

Số: 5426 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh nội dung phụ lục kèm theo Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án: Sưu tầm, bảo quản và chỉnh lý nội dung hình thức trưng bày Bảo tàng Thanh Hoá giai đoạn 2010 - 2020; danh mục và kinh phí mua hiện vật của Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định 98/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 11/2013/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch qui định về sưu tầm hiện vật của bảo tàng công lập;

Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án: "Sưu tầm, bảo quản và chỉnh lý nội dung hình thức trưng bày Bảo tàng Thanh Hoá giai đoạn 2010 - 2020";

Căn cứ Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định mua hiện vật Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 24/10/2017, Quyết định số 4359/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 và Quyết định số 4423/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 về việc thành lập, bổ sung, điều chỉnh thành viên Hội đồng thẩm định mua hiện vật Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Bảo tồn di sản Thành Nhà Hồ và Di tích lịch sử Lam Kinh của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Liên ngành: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Tài chính tại Văn bản số 6621/LN:SVHTTDL-STC ngày 11/12/2020 về việc điều chỉnh nội dung phụ lục kèm theo Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 và phê duyệt danh mục, kinh phí mua hiện vật của Bảo tàng tỉnh năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh nội dung phụ lục kèm theo Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án: Sưu tầm, bảo quản và chỉnh lý nội dung hình thức trưng bày Bảo tàng Thanh Hoá giai đoạn 2010 - 2020; danh mục và kinh phí mua hiện vật của Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa năm 2020 như sau:

1. Điều chỉnh cơ cấu dự toán các danh mục, nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt “Đề án: Suu tầm, bảo quản và chỉnh lý nội dung hình thức trưng bày Bảo tàng Thanh Hoá giai đoạn 2010 - 2020” năm 2020 để phù hợp với tình hình thực hiện Đề án.

(Có Phụ lục chi tiết 01 kèm theo)

2. Danh mục và kinh phí mua hiện vật năm 2020:

- Tổng số hiện vật: **207 hiện vật** (*Hai trăm linh bảy hiện vật*).

Trong đó:

+ Suu tầm các hiện vật theo tiến trình lịch sử: 138 hiện vật.

+ Suu tầm các cổ vật quý hiếm: 69 hiện vật.

- Tổng kinh phí: **2.994.749.000đ** (Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm chín tư triệu, bảy trăm bốn chín nghìn đồng);

(Có Phụ lục chi tiết 02 kèm theo)

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn dự toán được giao cho đơn vị tại Quyết định số 5318/2019/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu NSNN, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2020.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm mua hiện vật theo đúng danh mục và kinh phí mua hiện vật đã được Hội đồng thẩm định mua hiện vật Bảo tàng tỉnh thẩm định; chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, thanh quyết toán đúng quy định; tổ chức bảo quản, lưu giữ, phát huy giá trị hiện vật và tổng kết, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực Đề án hiện theo quy định

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để B/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu VT, VX (2).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Đâu Thanh Tùng

PHỤ LỤC 01:

Điều chỉnh nội dung phụ lục kèm theo Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề án: Suu tầm, bảo quản và chỉnh lý nội dung hình thức trưng bày Bảo tàng Thanh Hoá giai đoạn 2010 - 2020
 (Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020
 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Triệu đồng.

	Nội dung	Dự toán theo QĐ 3322/QĐ- UBND ngày 20/9/2010	Danh mục, nội dung điều chỉnh	
			Số lượng (hiện vật)	Dự toán
	Tổng cộng	3.646.000		3.646.000
I	Kinh phí suu tầm hiện vật	3.000.000	207	2.994.749
1	Chi nghiên cứu suu tầm các bộ sưu tập hiện vật theo tiến trình lịch sử:	700.000	138	444.663
	+ Hiện vật thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc (KK I-X)	100.000	19	205.963
	+ Hiện vật thời quốc gia phong kiến độc lập tự chủ (TK X-XIX)	200.000	19	93.275
	+ Hiện vật từ phong trào Cần vương chống pháp đến 1945	100.000	2	187
	+ Hiện vật từ năm 1945 đến nay	50.000	30	39.968
	+ Hiện vật nghề truyền thống	100.000	30	40.396
	+ Hiện vật văn hóa dân tộc	50.000	38	64.874
	+ Văn hóa phi vật thể	100.000		
2	Mua sưu tập cổ vật quý hiếm	2.300.000	69	2.550.086
	+ Trống đồng cổ	500.000	1	283.375
	+ Cổ vật văn hóa Đông Sơn	300.000	15	149.496
	+ Cổ vật thời Lý	400.000	5	552.725
	+ Cổ vật thời Trần	200.000	12	711.185
	+ Cổ vật thời Hồ	200.000	5	115.020
	+ Cổ vật thời Lê	400.000	7	415.080
	+ Cổ vật thời Nguyễn	300.000	24	323.205
II	Chi chỉnh lý, nâng cao nội dung, hình thức trưng bày	513.000		366.435
III	Chi công tác quản lý	78.000		78.000
IV	Chi lập đề án, lập Báo cáo KTKT	55.000		
	Lập Báo cáo KTKT	55.000		
V	Chi Suu tầm, giám định, bảo quản			206.816
	+ Cổ vật thời Lý			45.000
	+ Cổ vật thời Trần			65.000
	+ Cổ vật thời Lê			30.000
	+ Cổ vật thời Nguyễn			25.000
	+ Hiện vật văn hóa dân tộc			6.816
	+ Hiện vật thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc (TK I-X)			35.000



PHỤ LỤC 02 : DANH MỤC VÀ KINH PHÍ MUA HIỆN VẬT BẢO TÀNG TỈNH THANH HÓA NĂM 2020





(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TỔNG SỐ HIỆN VẬT: 207 hiện vật (Hai trăm linh bảy hiện vật), trong đó: Chất liệu Đá: 04 hiện vật; chất liệu gốm, sành, đất nung: 100 hiện vật; chất liệu kim loại: 66 hiện vật; chất liệu giấy, vải, gỗ: 37 hiện vật.





TỔNG SỐ TIỀN: 2.994.749.000đ (Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).






Đơn vị tính: Triệu đồng.




Số TT	Tên hiện vật	Số lượng	Chất liệu chính	Kích thước (cm, g)	Niên đại	Miêu tả hiện vật	Nguồn gốc	Tình trạng	Hình ảnh	Giá BQ HĐTB
A. SƯU TẦM CÁC BỘ SƯU TẬP THEO TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ: 138 HIỆN VẬT										444,663
I. HIỆN VẬT THỜI KỲ ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (TK I - X): 19 hiện vật										205,9625
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Các hiện vật trong danh mục thuộc thời kỳ này một số loại hình Bảo tàng đã có, tuy nhiên đều sưu tầm riêng lẻ không cùng bộ và không cùng chung trong một mộ, ngoài bộ sưu tập cụm mô hình nhà và các đồ tùy táng kèm theo mua được năm 2019. Sưu tập hiện vật phát hiện trong mộ năm nay, qua tham khảo một số chuyên gia về gốm tiền sử cho biết, các hiện vật thuộc đồ cao cấp, được đặt hàng và sản xuất tại lò gốm Tam Thọ, thể hiện chủ nhân của ngôi mộ là người có quyền lực ở thời kỳ này. Bảo tàng cũng chưa có căn sưu tầm bổ sung trưng bày, giới thiệu đến công chúng về kỹ thuật làm gốm của người Việt cổ trên đất Thanh Hóa và đời sống văn hóa vật chất, tinh thần của cư dân Việt cổ thời bấy giờ.										
1. Hiện vật của ông Vũ Quang Tịnh (số 11, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa): 18 hiện vật										
1.	Mô hình nhà	01	Gốm	Dài: 18 Rộng: 29 Cao: 27	TK 1-3	Mô hình nhà hình chữ nhật có 1 cửa ra vào, phía trước có hành lang hiên và tường cao, tường trở thưng các ô nhỏ hình chữ nhật, mái lợp ngói âm dương chõm ra ngoài hành lang hiên.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Cũ, tương đối lành, mái vờ đã gắn lại.	 BTTH.ST20.S1	7,15
2.	Mô hình bếp	01	Gốm	Dài: 33,5 Rộng: 13,3 Cao: 20,5 ĐKM: 4,9-5,2 Dài tay: 8,9 KT cửa bếp: 5,5x7,3	TK 1-3	Mô hình bếp: hình hộp chữ nhật, đầu mũi hắt, tay cầm uốn tạo hình đầu cá sấu, thành bếp đứng, mặt dưới bằng. Một đầu mở cửa bếp hình vòng cung. Mặt trên có ba lỗ tròn nhỏ đặt cách đều nhau.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Cũ, tương đối lành.	 BTTH.ST20.S2	3,71875






3.	Bình (nồi), có nắp 4 tai	02	Gốm	ĐKM: 9,2-9,8 ĐKĐ: 14,5- 15,2 Cao: 16-17,3	TK 1-3	Bình (nồi) miệng tròn, gờ miệng bằng, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Trên vai và giữa thân có 2 đường chỉ chìm chạy quanh, vai có 4 quai nhỏ hình chữ C. Nắp tròn, lưng vòm, vành nắp vuông đứng, đỉnh có núm dạng chữ U. Toàn thân phủ men màu ngả vàng, 01 hv men chỉ phủ đến ½ thân.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Nắp có sự tu sửa nhỏ.	 BTTH.ST20.S3	8,75
4.	Mô hình giếng	01	Gốm	ĐKM: 16,5 ĐKĐ: 18 Cao: 27,4	TK 1-3	Giếng miệng tròn, vành miệng loe bé ra ngoài, vai vát xiên, thân phình tạo 2 gờ nhọn nổi thu dần xuống đáy, đáy bằng, bao quanh chân giếng là lớp nền bao tròn, có 4 lỗ tròn nhỏ đặt đối xứng (có thể để dựng cột chống lợp mái che). Toàn thân phủ men màu ngả vàng.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Vành miệng bị 2 vết nứt nhỏ, không còn 4 cọc và mái.	 BTTH.ST20.S4	4,75625
5.	Vò (có nắp)	02	Gốm	ĐKM: 12,8- 13,9 ĐKĐ: 18,7- 18,8 Cao: 26,4-27,6	TK 1-3	Vò có nắp, miệng tròn, gờ miệng bằng, cổ ngắn đứng, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Bên ngoài trên vai và ngang thân có 2 đường chỉ chìm chạy quanh; vai có 4 quai nhỏ hình chữ C. Nắp tròn, lưng vòm, vành nắp vuông đứng, đỉnh có núm dạng chữ U. 01 chiếc toàn thân phủ men màu ngả vàng, riêng đế để mộc; 01 chiếc men chỉ phủ ½ bên thân.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Tương đối lành.	 BTTH.ST20.S5	9,825
6.	Vò (miệng đầu)	01	Gốm	ĐKM: 14,3 ĐKĐ: 18,7 Cao: 23,1	TK 1-3	Vò miệng tròn, thành miệng đứng loe ra so với cổ, cổ thắt lại, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Bên ngoài trên thành miệng, vai, ngang thân và gần đáy có các đường chỉ chìm chạy quanh. Toàn thân phủ men màu ngả vàng, riêng đế để mộc.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Tương đối lành.	 BTTH.ST20.S6	4,775




7.	Vò (lớn)	01	Gốm	ĐKM: 24,5 ĐKĐ: 24,9 Cao: 43,8	TK 1-3	Vò miệng tròn, vành miệng loe, thành miệng trong vát, cổ ngắn thắt, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Bên ngoài trang trí hoa văn trám đơn xen kẽ các đường vân chải; trên thân có 2 đường gờ nhỏ chìm chạy quanh. Toàn thân phủ men màu ngà vàng, riêng đế để mộc.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Tương đối lạnh, miệng hơi méo.		BTTH.ST20.S7	11,525
8.	Nồi trõ (nhỏ)	02	Gốm	- Cốc: ĐKM: 9,5 ĐKĐ: 4,0 Cao: 5,5 - Nồi: ĐKM: 8,8 ĐKĐ: 9,5 Cao: 5,3	TK 1-3	- Cốc loại nhỏ, được đặt trên nồi. Miệng tròn loe, gờ miệng bằng, thành cốc vát xiên dần xuống đáy, đáy bằng, giữa đáy có 1 lỗ thủng nhỏ (1cm), chân đế cao. Toàn thân để mộc. - Nồi loại nhỏ, miệng tròn, vành miệng loe vát, cổ thắt, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Toàn thân phủ men màu ngà vàng, riêng đế để mộc.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Tương đối lạnh.		BTTH.ST20.S8	1,1625
9.	Hạp hương	01	Gốm	ĐKM: 21,0 ĐKĐ: 21,0 Cao: 25,0	TK 1-3	Hạp hương hình trụ tròn, miệng bằng, phía ngoài có gờ. Trên thân có các đường chỉ chìm chạy quanh, đối xứng hai bên thân giữa các đường chỉ chìm là hình mặt hổ phù, miệng ngậm quai tròn nhỏ. Đáy bằng, có 3 chân quỳ cách đều nhau. Nắp vòm, đỉnh nắp có 3 núm nhọn nhỏ. Toàn thân phủ men màu ngà vàng.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Sứt nhỏ vành nắp, một bên thân bị bong men nhẹ.		BTTH.ST20.S9	26,1
10.	Muôi (tay hình cá sấu)	01	Gốm	ĐKM: 17,5 ĐKĐ: 11,0 Cao: 10,0 Cán dài: 8,5	TK 1-3	Muôi có miệng tròn, vành miệng loe nhẹ, cổ thắt, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng, lòng muôi rỗng. Tay cầm uốn, tạo hình đầu cá sấu. Sát miệng và giữa thân muôi có các đường chỉ chìm chạy quanh. Toàn thân phủ men màu ngà vàng.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Men bong nhẹ, thân có vết sứt nhỏ.		BTTH.ST20.S10	21,2





11.	Bình con tiện	01	Gốm	ĐKM: 13,7 ĐKC: 15,0 Cao: 42,0 Cao chân:	TK 1-3	Bình hình con tiện có nắp, miệng loe vát, gờ miệng bằng, cổ cao eo, vai xuôi, thân phình hình cầu, chân đế cao choãi có 2 lỗ thông phong đối xứng. Vai gắn 2 quai nhỏ hình mũi thuyền đối xứng nhau, trên cổ và thân có 8 đường chỉ chìm chạy quanh. Nắp vòm, đỉnh nắp có 2 núm hình chữ nhật. Toàn thân phủ men màu ngà vàng, rải rác trên thân có một số vết men đọng.	Hiện vật thuộc một cụm mộ Hán do ông Dương Văn Chung tình cờ phát hiện được tại thung lũng núi Chè (núi Ngọc), xã Thiệu Dương, phía sau giáp làng cổ Đông Sơn, tp. Thanh Hóa, đầu tháng 6/2020.	Vành miệng sứ nhỏ, 1 góc thân bị bong men nhẹ.		BTTH.ST20.S11	41,525
12.	Bình	01	Gốm	ĐKM: 15,5 ĐKC: 16,3 Cao: 28,0	Cách ngày nay 4.000-3.500 năm	Miệng loe, gờ miệng bằng, cổ cao thắt, thân phình nhọn và thót xuống đáy, đáy tròn, chân đế cao loe. Bên ngoài nửa thân trên trang trí 2 vành hoa văn: vành 1: vòng tròn đơn; vành 2: sóng nước. Nửa thân dưới là hoa văn khắc vạch. Chân đế không trang trí hoa văn, riêng cổ chân đế có đường gờ nổi chạy quanh.	Sưu tầm tại xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, năm 2018.	Trên thân sứt 1 góc nhỏ, vành chân đế sứt 1 góc (8x4cm).		BTTH.ST20.S12	12,75
13.	Bình con tiện	01	Gốm	ĐKM: 9,7 ĐKC: 13,2 Cao: 27,2 Cao chân:	TK 1-3	Bình hình con tiện có nắp, miệng loe vát, gờ miệng bằng, cổ cao eo, vai xuôi, thân phình hình cầu, chân đế cao choãi. Trên vai trang trí 2 hình mặt hổ phù đối xứng nhau. Nắp tròn, đỉnh nắp có núm tròn cao đứng. Toàn thân phủ men màu trắng ngà, riêng tròn đế để mộc không phủ men.	Sưu tầm tại xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Nắp vỡ đã gắn lại.		BTTH.ST20.S13	33,15
14.	Nhĩ bôi	02	Gốm	KT miệng: 14,1 x 10 KT đáy: 7x4,2 Cao: 4,0	TK 1-3	Nhĩ bôi có thân hình thuyền, thành cong, lòng sâu, đáy bằng, hai bên có 2 tay cầm đối xứng nhau. Toàn thân phủ men trắng ngà.	Sưu tầm tại xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, năm 2014.	01 chiếc góc miệng vỡ đã gắn lại, 01 chiếc vỡ nhỏ mất 1 góc miệng.		BTTH.ST20.S14	7,425
2. Hiện vật của ông Lê Trọng Vĩnh (thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân): 01 hiện vật											



15.	Ấm rượu (men mỏng)	01	Gốm	ĐK bụng: 19,0 Cao: 14,0	TK 6-7	Ấm có nắp, hình cầu dẹt, miệng nhỏ, vai xuôi, thân phình dần về đáy, đáy rộng bằng, một bên thân gắn vòi dài, ngang vai có 4 quai nhỏ cách đều. Nắp tròn, vòm nhẹ, đỉnh có núm tròn bằng. Toàn thân phủ men ngà vàng, lớp men mỏng, nắp và đáy không phủ men.	Sưu tầm tại huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, năm 1992.	Lạnh, bề mặt nắp 3cm.		BTTH.ST20.S15	12,15
II. HIỆN VẬT THỜI KỲ QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐỘC LẬP TỰ CHỦ (TK X – XIX): 19 hiện vật											93,275
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Nhóm hiện vật này, một số loại hình Bảo tàng chưa có như Ấu men trắng xanh, bình hình búp sen, bát dáng hình chuông, bát úp nhỏ, con kê, vòng tay..., số còn lại Bảo tàng đã có nhưng màu men, hoa văn trang trí chưa có, hiện vật lạnh hơn, cần sưu tầm bổ sung để trưng bày giới thiệu.											
1. Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 04 hiện vật											
16.	Đĩa lục giác (men trắng)	01	Gốm	ĐKM: 15 ĐKĐ: 4,9 Cao: 4,1	TK 13-14	Đĩa hình bát giác, miệng chia 8 cạnh, lòng chằng, chân đế thấp. Trong lòng chia 8 ô, in nổi 8 chữ Hán. Toàn thân phủ men trắng ngà, riêng tròn để mộc không phủ men.	Sưu tầm tại xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Tương đối lạnh.		BTTH.ST20.S16	9,975
17.	Ấu (men trắng xanh)	01	Gốm	ĐKM: 11,5 ĐKĐ: 6,8 Cao: 12,5	TK 13-14	Ấu miệng tròn, vành miệng loe, thân phình nhẹ dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp. Bên ngoài trang trí đắp nổi vành cánh sen, mũi sen được giới hạn bởi đường gờ nổi nhỏ. Toàn thân phủ men trắng ngà, riêng tròn bôi nâu.	Sưu tầm tại xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Gờ miệng sứ nhỏ, 2 vết nứt nhỏ từ miệng xuống giữa thân.		BTTH.ST20.S17	11,45
18.	Ang (âu) (men nâu)	01	Gốm	ĐKM: 17,5 ĐKĐ: 7,0 Cao: 5,2	TK 13 - 14	Ang (âu) miệng tròn, thành khum vát dần xuống đáy, đáy bằng, lòng bát có 5 dấu con kê. Cả trong vào ngoài phủ men nâu, riêng đế để mộc không phủ men.	Sưu tầm tại xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tháng 10/2015.	Cũ, lạnh.		BTTH.ST20.S18	6,7
19.	Ấu (trang trí vành cánh cúc)	01	Gốm	ĐKM: 17,5 ĐKĐ: 8,2 Cao: 11,0	TK 13-14	Ấu miệng khum, gờ miệng tròn, thân cong khum dần về đáy, đáy bằng. Lòng ấu có 5 vết con kê, bên ngoài gắn miệng có 3 đường chỉ chìm chạy quanh, viền sát chân đế là vành cánh cúc vươn đến giữa thân được giới hạn bởi 2 đường chỉ chìm. Toàn thân phủ men màu vàng sáng, riêng đế để mộc không phủ men.	Sưu tầm tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.	Vành miệng bị bong men.		BTTH.ST20.S19	10,96875

2. Hiện vật của ông Lê Lệnh Hà (xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 05 hiện vật										
20.	Bát (dáng hình chuông)	01	Gốm	ĐKM: 16,8 ĐKĐ: 6,1 Cao: 7,8	TK 13-14	Bát hình chuông, miệng tròn, vành miệng loe vát xiên dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế nhỏ. Thành trong sát miệng trang trí 2 đường chỉ chìm chạy song song tạo hình sóng nước, giữa lòng bát là bông hoa sen đứng. Bên ngoài gắn sát miệng có 3 đường chỉ, gắn đáy có 1 đường chỉ chìm chạy quanh. Toàn thân phủ men màu vàng nhạt, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại xã Hoàng Đông, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Tương lành.	 BTTH.ST20.S20	9,7
21.	Đĩa gốm	01	Gốm	ĐKM: 15,2 ĐKĐ: 5,2 Cao: 3,8	TK 13-14	Đĩa miệng tròn, gờ miệng cắt khắc hình bông hoa 6 cánh, lòng nông, đáy bằng, chân đế thấp. Thành trong đĩa trang trí bông hoa 6 cánh, giữa các cánh là hình bông hoa sen đứng xen kẽ với hình lá sồi; chính giữa lòng là bông hoa 6 cánh nhỏ. Toàn thân phủ men rạn màu vàng nhạt, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Chân đế một góc bị sứt mất mảnh nhỏ.	 BTTH.ST20.S21	2,9625
22.	Đĩa (men ngọc xám)	01	Gốm	ĐKM: 16,5 ĐKĐ: 5,6 Cao: 4,3	TK 14-15	Đĩa miệng loe, gờ miệng tròn, thành chãng, đáy bằng, chân đế thấp. Lòng đĩa trang trí bông hoa 6 cánh nhọn được giới hạn bởi đường tròn và các tua có móc xoắn, chạy quanh thành bát là các bông hoa 6 cánh kép. Bên ngoài đĩa được chia múi bởi các sọc nhỏ sáng màu. Toàn thân phủ men ngọc xám rạn, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại phường Quảng Hưng, tp. Thanh Hóa.	Có 1 vết nứt nhỏ ở vành miệng, một vết nứt đôi ở giữa tròn đĩa.	 BTTH.ST20.S22	6,21875

23.	Bát úp (nhỏ)	02	Gốm	ĐKM: 7,6-7,7 ĐKĐ: 5,7-5,8 Cao: 7,7-8,0	TK 19	Bát loại nhỏ có nắp đậy, miệng tròn, gờ miệng bằng, thành đứng thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Nắp vòm có núm cầm, lòng núm lõm. Toàn thân phủ men trắng vẽ lam 4 cụm hoa cúc xen kẽ các bông hoa 5 cánh nhỏ cách điệu.	Sưu tầm tại xã Thiệu Khánh, tp. Thanh Hóa.	Vành cầm bị nứt nhỏ, 01 hv thân có vết nứt.	 BTTH.ST20.S23	2,775
3. Hiện vật của ông Lê Trọng Vĩnh (thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân): 01 hiện vật										
24.	Bình (búp sim)	01	Gốm	ĐKM: 7,5 Cao: 11,5	TK 16	Bình loại nhỏ, miệng tròn khum, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy nhỏ, bằng. Toàn thân phủ men trắng trang trí vẽ lam, trên vai là tay xoắn cách điệu, thân bố 4 ô vẽ cánh hoa cúc xen kẽ là hoa văn ô trám lồng hoa 4 cánh, sát đáy là vòng hoa văn cánh sen bên trong có móc xoắn.	Sưu tầm tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, năm 1995.	Lành, tróc một ít men ở miệng	 BTTH.ST20.S24	9,775
4. Hiện vật của ông Lương Thế Thắng (SN 16/5, đường Trần Quốc Toản, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa): 04 hiện vật										
25.	Con kê	02	Gốm	ĐK trong: 2,6-3,2 ĐK ngoài: 5,1-5,5	TK 15-17	Con kê hình tròn, có độ dày mỏng khác nhau, lòng rỗng. Đây là một trong các loại hình con kê sử dụng kê để nung các loại hình đồ gốm như bát, đĩa, âu, ang.	Vớt được ở sông Chu đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, tương đối lành.	 BTTH.ST20.S25	0,1875
26.	Con kê	02	Gốm	ĐK: 6,5-8,2	TK 15-16	Con kê hình tròn, độ dày mỏng khác nhau, đặc, một mặt có 3-4 chân nhỏ. Đây là một trong các loại hình con kê sử dụng kê để nung các loại hình đồ gốm như bát, đĩa, âu, ang.	Vớt được ở sông Chu đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, tương đối lành.	 BTTH.ST20.S26	0,1875
6. Hiện vật của ông Hoàng Văn Du (thôn Hải Thành, xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật										
27.	Vòng tay	01	Đồng	ĐK: 7,9 Rộng: 1,1	TK 14-15	Vòng tay hình tròn, bản vòng hẹp, tiết diện thẳng. Bên ngoài trang trí hoa văn tua xoắn cách điệu.	Sưu tầm tại làng Tô, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, tháng 02/2020.	Oxi hóa, sứt nhỏ rìa cạnh.	 BTTH.ST20.KL1	1,225

7. Hiện vật của ông Hoàng Đình Thanh (thôn 9, xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa): 02 hiện vật										
28.	Đĩa (loại nhỏ)	02	Gốm	ĐKM: 10,4 ĐKD: 6,3 Cao: 2,6	TK 15-16	Đĩa loại nhỏ, gờ miệng tròn, lòng nông, đáy bằng, chân đế cao. Bên trong, thành đĩa trang trí các đường chỉ lam, chính giữa lòng đĩa vẽ lam cảnh hoa cúc. Bên ngoài, trang trí vành cánh sen có móc xoắn. Toàn thân phủ men trắng ngà, riêng tròn đế mội.	Vớt được tại sông Chu, đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	01 hv lành, 01 hv bị sứt nhỏ gờ miệng.	 BTTH.ST20.S27	3,8875
8. Hiện vật của ông Cao Văn Quang (xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật										
29.	Nậm (nai)	02	Gốm	ĐKM: 3,8 – 4,2 ĐKD: 11 – 11,2 Cao: 24 – 24,5	TK 15 - 16	Nậm miệng tròn, gờ miệng bằng, cổ cao đứng, vaingang, thân phình thon dần xuống đáy, đáy bằng có men. Toàn thân phủ men trắng ngà	Sưu tầm tại xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa năm 2010	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.S28	17,2625
III. HIỆN VẬT PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP ĐẾN 1945: 02 hiện vật										
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Hiện nay hiện vật về thời kỳ này ở Bảo tàng rất ít, số lượng vô cùng hạn chế, đây là hiện vật thuộc loại hình vật liệu kiến trúc gắn với nơi thờ tự cụ Lê Minh Dung là một nho sỹ đã có công trong phong trào Cần Vương chống Pháp trên đất Thanh Hóa.									0,1875	
Hiện vật của bà Nguyễn Thị Kim Chung (thôn Đại Bối, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật									0,1875	
30.	Gạch lát nền	02	Đất nung	Dài: 25,2-25,5 Rộng: 25,5-26	TK 20	Gạch được làm từ đất nung, màu đỏ hồng, hình vuông mỏng, hai mặt phẳng, không trang trí hoa văn. Hiện vật là vật liệu xây dựng nhà thờ họ Lê Minh, đây là nơi thờ các vị tiền liệt của dòng họ có công với đất nước trong giai đoạn lịch sử từ nửa cuối TK 19 – nửa đầu TK 20, trong đó có ông Lê Minh Dung (1848-1883) là một nho sỹ yêu nước, đã hưởng ứng phong trào Cần Vương đứng lên chống lại ách thống trị của thực dân Pháp; ông Lê Văn Tiến (con trai ông Lê Minh Dung) là một nhân sỹ yêu nước, tham gia phong trào chống thuế ở Trung kỳ, ông bị bắt và đày đi Côn Đảo 9 năm (1909-1918).	Sưu tầm tại nhà thờ họ Lê Minh, thôn Đại Bối, x.Thiệu Giao, h.Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Rìa cạnh bị sứt nhỏ.	 BTTH.ST20.S29	0,1875





IV. HIỆN VẬT TỪ 1945 ĐẾN NAY: 30 hiện vật								39,9675		
Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng: Hiện vật về thời kỳ này ở Bảo tàng số lượng vô cùng hạn chế, đây đều là các hiện vật mà bảo tàng chưa có, phản ánh một phần nhỏ về đời sống kinh tế, xã hội giai đoạn 1945 đến nay. Một số khác là các Huân, huy chương của một số cựu chiến binh đã tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, một số là hiện vật thời kỳ xây dựng XHCN ở miền Bắc...										
1. Hiện vật của ông Lê Lệnh Hà (xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 05 hiện vật										
31.	Lọ (tròn)	01	Gốm	ĐKM: 3,8 ĐKĐ: 5,8 Cao: 11,7	TK 20	Lọ loại nhỏ có nắp. Miệng tròn, vành miệng bê ngang, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Nắp tròn, vòm, hình bán nguyệt, núm trong nắp dạng xoắn ốc để vặn vào cổ lọ. Toàn thân phủ men trắng, trang trí vẽ lam đề tài phong cảnh (nhà cửa, núi non).	Sưu tầm tại xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Tương đối lành.	 BTTH.ST20.S30	0,975
32.	Lọ (dẹt)	02	Gốm	ĐKM: 3,4-3,5 ĐKĐ: 6,1x4,2 Cao: 13,8-14,4	TK 20	Lọ loại nhỏ, có nắp. Miệng tròn, vành miệng bê ngang, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình dẹt, đáy bằng, chân đế thấp. Nắp tròn, vòm, hình bán nguyệt, núm trong nắp dạng xoắn ốc để vặn vào cổ lọ. Toàn thân phủ men trắng vẽ lam, 2 mặt dẹt trang trí đề tài “hưng dừa” và “đánh ghen”, mặt bên còn lại vẽ hoa cúc dây.	Sưu tầm tại xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Tương đối lành.	 BTTH.ST20.S31	1,4125
33.	Óng nhỏ	01	Gốm	ĐKM: 9,8 ĐKĐ: 6,3 Cao: 8,5	TK 20	Óng nhỏ loại nhỏ, miệng loe rộng, gờ miệng tròn, cổ thắt, thân phình hình cầu dẹt, đáy bằng. Toàn thân phủ men trắng, bên ngoài trang trí vẽ lam cảnh hoa cúc nhiều cánh.	Sưu tầm tại xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Miệng có các đường nứt nhỏ, mảnh; trên thân có 1 vết lỗi lõ.	 BTTH.ST20.S32	1,255
34.	Chum	01	Sành	ĐKM: 29,5 ĐKĐ: 36 Cao: 52,5	TK 20	Chum loại lớn, miệng tròn, vành miệng bê ra ngoài, cổ ngắn xiên, vai xuôi, thân phình vát dần xuống đáy, đáy bằng. Trên cổ 4 phía khắc chìm 4 chữ “HTX Hợp Tiến”. Bên ngoài từ vai xuống thân trang trí 4 vành hoa văn: Vành 1: khắc chìm dòng chữ “Hợp tác xã Hợp Tiến, xã Hoàng	Sưu tầm tại làng Vòm, xã Thiệu Khánh, tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Sứt nhỏ, miệng méo nhẹ, đáy làm lại bị méo 1 góc.	 BTTH.ST20.S33	6,8





						Hộp”, xen kẽ là 4 quai nhỏ hình con hủ; Vành 2: các hoa văn đắp nổi xen kẽ nhau (8 hoa đai 4 cánh, 6 hoa dây lồng trong ô hình thoi, 2 hình thoi có chữ “HTX Hợp Tiến”, 1 hình sao năm cánh lồng trong hình tròn kép). Vành 3: 14 bông hoa dây có tua hình sao 5 cánh lồng trong lá đề kép, xen kẽ 01 cụm hình thoi có chữ “HTX Hợp Tiến” có tua hoa dây và ngôi sao trong vòng tròn; Vành 4: 4 cụm hoa văn xem kẽ nhau (chứa một cột, lãng Bác, dòng chữ Gốm Hợp Tiến phía dưới có ngôi sao vàng và hoa dây); ngăn cách giữa các vành hoa văn là đường gờ nổi có vạch ngăn chạy quanh. Chân chum trang trí vành hoa văn với 13 hình thoi lồng hoa dây, sát đế có 3 đường gờ nổi chạy quanh.				
2. Hiện vật của ông Vũ Quang Tịnh (số 11, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa): 06 hiện vật										
35.	Chén	06	Gốm	ĐKM: 6,6-6,8 ĐKĐ: 4,7-5,0 Cao: 4,1-4,3	TK 19-20	Chén loại vừa, miệng tròn, gờ miệng nhọn, thành vát xiên xuống đáy, đáy bằng. Toàn thân phủ men trắng ngà, trang trí vẽ lam hình hoa lá cách điệu.	Đây là đồ dùng của ông Quán thóc (cố nội của ông Tịnh), ông vốn là địa chủ ở huyện Thọ Xuân, giai đoạn trước năm 1945.	Sứt nhỏ ở gờ miệng.		0,475
3. Hiện vật của ông Lê Trọng Vĩnh (thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật										
36.	Tranh gỗ	02	Gỗ	Dài: 87 Rộng: 34,5	TK 20	Tranh được làm bằng gỗ mun, hình chữ nhật, hai cạnh trên dưới trang trí hình dơi ngậm đồng tiền, ở giữa chạm lõng với nhiều lớp trang trí, đề tài chính là “Long-Ly, Quy-Phượng”, trong đó Long-Ly đang vờn cầu, Quy-Phượng ngậm cuốn thư, xen kẽ vào đó là những cuộn mây và các tầng sóng nước chồng lên nhau.	Sưu tầm tại phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.	Cũ, tương đối lành, có 2 chỗ gãy đã gắn lại.		21,6375






BTTH.ST20.S34






BTTH.ST20.ĐM1





4. Hiện vật của ông Hoàng Đình Thanh (thôn 9, xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa): 01 hiện vật										
37.	Đèn dầu	01	Kim loại	ĐK bầu: 6,0 ĐKĐ: 5,8 Cao: 14,0	TK 20	Đèn được làm bằng kim loại, gồm có miệng đèn để gắn sợi bắc, bầu đựng dầu và chân đèn. Ở cổ đèn có gắn 1 núm vặn bắc để điều chỉnh kích thước ngọn lửa bằng cách chỉnh độ dài của phần sợi bắc. Đây là đồ dùng chiếu sáng trong các gia đình Việt Nam xưa, trước khi các thiết bị chiếu sáng bằng điện được phổ biến. Bên cạnh đó, đèn dầu còn được đặt trên bàn thờ ở các gia đình hoặc đình chùa để giữ lửa và lấy lửa thắp hương trong các kỳ cúng lễ hoặc giỗ chạp.	Sưu tầm tại xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, bị oxo hóa, rìa chân bị sứt nhỏ.	 BTTH.ST20.KL2	0,4375
5. Hiện vật của ông Nguyễn Viết Dưa - Nguyên xã đội trưởng xã Hoàng Anh (Phượng Đình 1, phường Tào Xuyên, thành phố Thanh Hóa) : 07 hiện vật										
38.	Huân chương kháng chiến	02	Kim loại	Dài: 8 - 9,5 Rộng: 3,7-5,2	1988-1989	Huân chương Kháng chiến hạng 2 và hạng 3 của ông Nguyễn Viết Dưa. Ông được Chủ tịch nước CHXHCNVN Võ Chí Công tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 2 vào năm 1988 và hạng 3 là tháng 11/10/1989 do đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Viết Dưa (Phượng Đình 1, p. Tào Xuyên, TP. Thanh Hóa), năm 2020.	Oxi hóa nhẹ, 01hv dải bị sòn nhiều.	 BTTH.ST20.KL3	0,875
39.	Huân chương chiến công hạng Nhì	01	Kim loại	Dài: 9,8 Rộng: 5,0	1967	Huân chương Chiến công hạng 2 của ông Nguyễn Viết Dưa. Ông được Chủ tịch nước VNDCCH Hồ Chí Minh tặng thưởng huân chương chiến công hạng hai vào dịp dự lễ mừng công quyết thắng toàn quân tháng 02/1967 tổ chức tại Phủ Chủ tịch.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Viết Dưa (Phượng Đình 1, p. Tào Xuyên, TP. Thanh Hóa), năm 2020.	Oxi hóa nhẹ, vải bị sòn ít.	 BTTH.ST20.KL4	0,475
40.	Huy hiệu chiến sỹ thi đua	01	Kim loại	Dài: 4,6 ĐK thân: 3,0	1979	Huy hiệu Chiến sỹ thi đua của ông Nguyễn Viết Dưa. Ông được Thứ trưởng Bộ Công an – Thiếu tướng Lê Quốc Thân tặng năm 1979 do đạt thành tích 3 năm liên tục là chiến sỹ thi đua của ngành công an.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Viết Dưa (Phượng Đình 1, p. Tào Xuyên, TP. Thanh Hóa), năm 2020.	Oxi hóa nhẹ	 BTTH.ST20.KL5	0,45







41.	Huy chương chiến sỹ về vàng	03	Kim loại	Dài: 4,0-9,0 Rộng: 3,6-5,0	1965-1967	Huy chương Chiến sỹ về vàng của ông Nguyễn Việt Dưa. Ông được Quân khu trưởng quân khu 3 – Đại tá Nguyễn Quyết công nhận là chiến sỹ quyết thắng cấp quân khu trong 3 năm liên tiếp 1965-1966-1967, những năm Mỹ đánh phá ác liệt trên đất Hàm Rồng.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Việt Dưa (Phượng Đình 1, p. Tào Xuyên, TP. Thanh Hóa), năm 2020.	Oxi hóa nhẹ.		1,3375
6. Hiện vật của ông Hoàng Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bảy (xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa): 09 hiện vật										
42.	Huân chương Lao động hạng Ba của bà Nguyễn Thị Bảy	02	Giấy, KL	- Huân chương: Dài: 45 Rộng: 35 - Cuống: Dài: 9,5 Rộng: 5,0	1987	Huân chương lao động hạng Ba của bà Nguyễn Thị Bảy được Chủ tịch HĐNN nước CHXHCN Việt Nam Võ Chí Công tặng ngày 31/8/1987, do đã có nhiều thành tích xuất sắc trong sản xuất và công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Lúc này bà Bảy là đội trưởng đội 3, HTX nông nghiệp Thọ Hải, x. Thọ Hải, h. Thọ Xuân.	Sưu tầm tại gia đình ông Hoàng Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bảy (xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), năm 2020.	Phần giấy bị rách mép, thủng một số lỗ, phai màu. Phần cuống bị sờn.		0,45
43.	Danh hiệu Chiến sỹ thi đua của bà Nguyễn Thị Bảy	02	Giấy, KL	- GCN: Dài: 16 Rộng: 10 - Cuống: Dài: 4,5 Rộng: 3,3	1986	Danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc của bà Nguyễn Thị Bảy được Hội đồng Bộ trưởng tặng ngày 25/11/1986, do đã có nhiều thành tích xuất sắc và luôn phấn đấu cho ngành nông nghiệp. Lúc này bà Bảy là kế toán đội sản xuất nông nghiệp số 3, HTX nông nghiệp Thọ Hải, x. Thọ Hải, h. Thọ Xuân.	Sưu tầm tại gia đình ông Hoàng Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bảy (xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), năm 2020.	Phần giấy bị rách mép nhỏ, phai màu. Phần cuống bị oxi hóa, bong sơn nhẹ.		0,85
44.	Huy chương Kháng chiến hạng Nhất của bà Nguyễn Thị Bảy	01	Giấy	Dài: 38 Rộng: 30	1985	Huy chương Kháng chiến hạng Nhất của bà Nguyễn Thị Bảy được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Phạm Văn Đồng tặng ngày 28/12/1985, do đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.	Sưu tầm tại gia đình ông Hoàng Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bảy (xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), năm 2020.	Giấy bị mất 1 góc, phai màu, ó vàng lốm đốm.		0,45





45.	Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Ba của ông Hoàng Văn Nam	01	Giấy	Dài: 40 Rộng: 30	1974	Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Ba của ông Hoàng Văn Nam được Chủ tịch HĐCV Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMN Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ tặng ngày 20/8/1974, do đã có thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong chống Mỹ cứu nước.	Sưu tầm tại gia đình ông Hoàng Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bảy (xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), năm 2020.	Cũ, mép bị gấp nhỏ vào trong, rách nhỏ.	 BTTH.ST20.G4	0,875
46.	Huân chương Kháng chiến hạng Nhì của ông Hoàng Văn Nam	01	Giấy	Dài: 45 Rộng: 35	1986	Huân chương Kháng chiến hạng Nhì của ông Hoàng Văn Nam được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trường Chinh tặng ngày 15/4/1986, do đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.	Sưu tầm tại gia đình ông Hoàng Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bảy (xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), năm 2020.	Rách mép, thùng nhỏ, bạc màu.	 BTTH.ST20.G5	0,85
47.	Đĩa tráng men	01	KL	ĐK: 30,0	TK 20	Đĩa to, miệng loe, gờ miệng tròn bẻ ra ngoài, thành đĩa ngắn vát, đáy phẳng rộng, lòng đĩa nông. Đĩa làm bằng kim loại, bên ngoài toàn thân tráng men xanh nhạt, riêng vành đĩa viền men xanh đậm. Hiện vật là đồ dùng sinh hoạt của gia đình ông Nam thời kỳ bao cấp ở Việt Nam.	Sưu tầm tại gia đình ông Hoàng Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bảy (xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), năm 2020.	Cũ, oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL7	0,18125
48.	Ấm tích	01	KL	ĐKM: 7,3 ĐKĐ: 7,3 Cao: 9,0	TK 20	Ấm làm bằng vỏ bom bi, miệng tròn nhỏ, vai bằng thụt, thân hình trụ tròn, đáy bằng, một bên thân gắn vòi dài, trên vai lắp 2 quai nhỏ làm bằng sợi dây điện. Ấm có nắp, nắp hình ngôi sao 5 cánh, đỉnh có núm tròn nhỏ. Đây là kỷ vật của ông Nam làm khi ông đang làm nhiệm vụ quốc tế tại chiến trường Lào.	Sưu tầm tại gia đình ông Hoàng Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bảy (xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa), năm 2020.	Cũ, oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL8	0,18125
V. HIỆN VẬT NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG: 30 hiện vật										
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Thực hiện phân kỳ Đề án năm 2020, căn cứ nội dung Bảo tàng đã tổ chức khảo sát, sưu tầm được 30 hiện vật gồm 01 hiện vật nghề đúc đồng (Thiệu Trung); 29 hiện vật gồm các công cụ, sản phẩm nghề đục đá làng Nhồi (Thành phố Thanh Hóa) và nghề rèn Tất Tác, huyện Hậu Lộc.										
1. Nghề đục đá làng Nhồi (phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa): 14 hiện vật										
40,396071										
22,441071										




1.1. Hiện vật của ông Lê Thiệu Ngọ (phố Bắc Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa): 02 hiện vật									0,2	
49.	Đục tròn	01	Sắt	Dài: 15,2	TK 20	Đục tròn thân hình trụ tròn, một đầu nhọn, đầu còn lại hơi loe, xung quanh có nhiều vết nứt do quá trình sử dụng tác động lực vào để chế tác đá. Đây là công cụ dùng để đục phá đá và chế tác thô ban đầu.	Sưu tầm tại gia đình ông Lê Thiệu Ngọ, phố Bắc Sơn, phường An Hoạch, tp. Thanh Hóa.	Oxi hóa	 BTTH.ST20.KL9	0,1
50.	Đục bẹt	01	Sắt	Dài: 14,2 Rộng lưỡi: 2,0	TK 20	Đục bẹt thân hình trụ tròn, lưỡi mòn dẹt, đầu còn lại hơi loe, xung quanh có nhiều vết nứt do quá trình sử dụng tác động lực vào để chế tác đá. Đây là công cụ dùng để tạo tác hình dáng và hoa văn của các sản phẩm đá.	Sưu tầm tại gia đình ông Lê Thiệu Ngọ, phố Bắc Sơn, phường An Hoạch, tp. Thanh Hóa.	Oxi hóa	 BTTH.ST20.KL10	0,1
1.2. Hiện vật của ông Nguyễn Huy Quang (sn 64, phố Trung Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa): 11 hiện vật									1,8125	
Gia đình ông Quang là một trong những gia đình làm nghề đục đá lâu đời ở làng Nhồi, ông đã làm nghề này từ năm 14 tuổi (ông sinh năm 1967), hiện tại ông vẫn đang tiếp tục làm nghề. Gia đình ông có 3 người con, ông đã truyền nghề lại cho một trong những người con của mình để duy trì nghề thủ công này.										
51.	Xà beng	01	Sắt	Dài: 95,8 Rộng lưỡi: 3,5	TK 20-21	Xà beng thân hình trụ tròn, dài, đứng, lưỡi dẹt vát. Đây là công cụ dùng để bẫy đá ra từ núi hoặc phá các khối đá lớn thành các khối đá vừa với kích thước cần sử dụng.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Huy Quang, sn 64, phố Trung Sơn, p.An Hoạch, TP. Thanh Hóa.	Oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL11	x
52.	Ve trét	01	Sắt	Dài: 24 Rộng lưỡi: 1,8	TK 20-21	Ve trét được làm từ một thanh thép đặc, thân hình trụ tròn, lưỡi mòn dẹt, đầu còn lại bằng. Đây là 1 loại công cụ dùng để đục phá đá và chế tác thô ban đầu.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Huy Quang, sn 64, phố Trung Sơn, p.An Hoạch, TP. Thanh Hóa.	Oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL12	x
53.	Đục tròn	03	Sắt	Dài: 11-15,7	TK 20-21	Đục tròn thân hình trụ tròn, một đầu nhọn, đầu còn lại hơi loe, xung quanh có nhiều vết nứt do quá trình sử dụng tác động lực vào để chế tác đá. Đây là 1 loại công cụ dùng để đục phá đá và chế tác thô ban đầu.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Huy Quang, sn 64, phố Trung Sơn, p.An Hoạch, TP. Thanh Hóa.	Oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL13	x




54.	Đục bạt	02	Sắt	Dài: 11,7-14,7 Rộng lưỡi: 2,4-2,8	TK 20-21	Đục bạt thân hình trụ tròn, lưỡi mòn dẹt, đầu còn lại hơi loe, xung quanh có nhiều vết nứt do quá trình sử dụng tác động lực vào để chế tác đá. Đây là công cụ dùng để tạo tác hình dáng và hoa văn của các sản phẩm đá.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Huy Quang, sn 64, phố Trung Sơn, p.An Hoạch, TP. Thanh Hóa.	Oxi hóa.		x
55.	Đục lỗ	02	Sắt	Dài: 17,7-30,4	TK 20-21	Đục lỗ (đục nhỏ) được làm từ các thanh sắt nhỏ, thân hình trụ tròn, lưỡi nhọn hoặc vát dẹt, đầu đục bằng. Đây là một loại công cụ dùng để đục lỗ, tạo tác hoa văn chi tiết nhỏ, làm tinh tế các đường nét hoa văn đã được đục thô trước đó.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Huy Quang, sn 64, phố Trung Sơn, p.An Hoạch, TP. Thanh Hóa.	Oxi hóa.		x
56.	Búa	01	Sắt	Đầu: Dài: 10,5 Rộng: 4,0 Dày: 3,5 Tay: Dài: 19,0	TK 20-21	Búa có đầu làm bằng thép hình chữ nhật, cán bằng gỗ hình trụ tròn. Cán được gắn vào giữa đầu búa. Đây là loại công cụ tạo lực đập để chế tác thô hoặc tạo tác hoa văn trên các sản phẩm đá.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Huy Quang, sn 64, phố Trung Sơn, p.An Hoạch, TP. Thanh Hóa.	Oxi hóa.		x
57.	Cui	01	Gỗ	Dài: 27,5 KT mặt: 10,5x6,8	TK 20-21	Cui gỗ, cán cầm hình trụ tròn, nhỏ vừa tay. Phần đầu cui mặt cắt dọc hình quả trứng, hai đầu cắt vát tạo góc để tiện sử dụng. Đây là loại công cụ tạo lực đập để chế tác thô hoặc tạo tác hoa văn trên các sản phẩm đá.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Huy Quang, sn 64, phố Trung Sơn, p.An Hoạch, TP. Thanh Hóa.	Cũ, sứt cạnh.		x
1.3. Hiện vật của ông Lê Lệnh Hà (xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật										
58.	Bể (nhỏ)	01	Đá	KT miệng: 30 x 17,5 Cao: 15,5	TK 20	Bể hình chữ nhật, gờ miệng bằng giạt 1 cấp, thành đứng, đáy bằng, chân đế nhỏ nằm ở 4 góc bể. Bên ngoài, 2 mặt lớn trang trí đề tài "tùng hươu", 2 mặt còn lại tạc hình cây cối.	Sưu tầm tại làng Nhồi, phường An Hoạch, tp. Thanh Hóa.	Miệng sứt nhỏ, 2 chân bị vỡ mất mảnh nhỏ đã làm lại.		20,42857143
2. Nghè đúc đồng xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa: 01 hiện vật										





Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật										
59.	Bể thổi	01	Gỗ	ĐK: 20 Dài: 86,7	TK 20-21	Bể thổi gồm ống bể. Ống bể làm bằng thân cây gỗ, đục rỗng. Phần dưới ống bể khoét 1 lỗ để tra với ống trắm nổi vs ống coi. Phía trong, gương sồi tra một cái que làm cán cầm để kéo lên, thụt xuống để lấy gió.	Hiện vật sưu tầm của một gia đình làm nghề đúc đồng tại làng Kè, xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM3	7,8925
3. Hiện vật nghề rèn Tất Tác: 15 hiện vật										
Hiện vật của ông Kiều Văn Đăng (thôn Ngọ, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc): 15 hiện vật										
60.	Búa	03	Kim loại	- Cán búa: Dài: 30,2-42 - Đầu búa: Dài: 9,6-13,3 Rộng: 3,6-5,0	TK 21	Búa gồm 2 loại: 01 búa tạ, 02 búa tay. Tay búa làm bằng gỗ, dài, hình trụ tròn; đầu búa hình chữ nhật, thân đục lỗ tròn để tra vào cán. - Búa tạ là búa để thợ phụ quai qua đầu khi đập vào sắt, búa chỉ dùng khi rèn những thanh sắt lớn. - Búa tay dùng chủ yếu cho thợ cã, chỉ cần một tay vừa đập vào sắt, vừa hướng dẫn để thợ phụ quai búa đập theo ý thợ cã.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL17	x
61.	Chạm	01	Kim loại	Dài cán: 46 Dài lưỡi: 11 Rộng lưỡi: 5,7	TK 21	Chạm gồm lưỡi và cán: Lưỡi làm bằng thép, hình tứ giác, rìa lưỡi vát, sắc. Cán làm bằng thanh sắt uốn cong gập đôi, kẹp lưỡi chạm vào giữa nơi đầu gập, dùng sắt nung chảy để cố định lưỡi vào tay cầm, giữ tay chạm đứng vững. Đây là dụng cụ để chặt sắt.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL18	x
62.	Đột	01	Kim loại	Dài cán: 45,2 Dài mũi: 10 Rộng mũi: 3	TK 21	Đột gồm lưỡi và cán: Lưỡi làm bằng thép, đầu nhọn tù. Cán làm bằng thanh sắt gập đôi, kẹp lưỡi vào giữa nơi đầu gập, dùng sắt nung chảy để cố định lưỡi vào tay cầm. Đây là dụng cụ để đục lỗ trên sản phẩm bằng sắt.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL19	x

63.	Kim	02	Kim loại	Dài: 39-40,5 Rộng lưỡi: 1,5-2,3	TK 21	Kim làm bằng sắt, đầu kim hình chữ nhật, từ cổ trở ra mỏng dần, hai đầu kim được chốt bằng một chốt ngang, tán hai đầu. Kim có đầu hơi cong lõm để gấp sắt tròn, kim có đầu dẹt để gấp sắt mỏng. Đây là dụng cụ để gấp và giữ sắt nóng.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL20	x
64.	Dũa	01	Kim loại	Dài: 41,2 Rộng lưỡi: 1,4	TK 21	Dũa gồm lưỡi và cán: Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn; Lưỡi làm bằng thép, hình trụ vuông, hai mặt bẻ chéo để tạo ma sát, hai mặt dẹt tròn. Đây là dụng cụ để sửa nguội các chi tiết, làm sản phẩm được mượt mà hơn.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL21	x
65.	Dao bấm dũa	01	Kim loại	Dài: 45,5 Rộng lưỡi: 5,9	TK 21	Dao bấm dũa làm bằng thép, bản lưỡi rộng, cán liền với lưỡi, chuôi nhọn, giữa dao có 1 lỗ thủng nhỏ. Đây là dụng cụ để bấm răng dũa (bởi bấm bằng tay thì gai sắc và gọn hơn bấm bằng máy), loại dao này khi cùn dùng dũa để dũa cho sắc, không mài.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL22	x
66.	Dao chấu	01	Kim loại	Dài: 23,4 Rộng lưỡi: 2,2	TK 21	Dao chấu gồm lưỡi và cán: Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn; Lưỡi làm bằng thép, hình chữ nhật, rìa lưỡi cong vát, sắc. Đây là dụng cụ để cắt chấu.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL23	x
67.	Cột dũa	02	Gỗ	Dài: 33-34 Dày: 5,7-5,9	TK 21	Cột dũa làm bằng gỗ lim, hình trụ tròn thu nhọn dần về một đầu, đầu còn lại chặt bằng, tạo khắc làm chỗ dựa. Khi sử dụng, đóng cột dũa sâu xuống đất cho chắc tạo thành điểm tựa để mài dũa các sản phẩm của lò rèn.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành.	 BTTH.ST20.ĐM4	x
68.	Bào	01	Kim loại	Dài cán: 25,3 Dài lưỡi: 10,5 Rộng lưỡi: 1,6	TK 21	Bào gồm thân và lưỡi: thân làm bằng gỗ, hình trụ tròn; lưỡi hình chữ nhật, rìa lưỡi mỏng vát, sắc. Lưỡi được gắn ở giữa thân. Đây là dụng cụ để bào cán của các sản phẩm rèn hoặc các công cụ nghề rèn bằng gỗ.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL24	x






69.	Chim gò khâu	01	Kim loại	Cạnh dài: 20,7 Cạnh ngắn: 11	TK 21	Chim gò khâu làm từ một thanh thép lớn, được nắn vuông 90 ⁰ , hai đầu nhọn đều, một cạnh dài, một cạnh ngắn hơn. Cạnh dài cắm xuống đất, cạnh ngắn làm điểm tựa để gõ. Đây là công cụ dùng để gõ khâu.	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Cũ, tương đối lành, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL25	x
70.	Đá mài	01	Đá	Dài: 23,5 Rộng: 22,5 Dày: 7,0	TK 21	Đá mài là loại đá cứng, hình tứ giác, chất hạt sạn, có sức công phá lớn. Đây là công cụ để mài cạnh của các dụng cụ thép như: kéo, dao, chày, đục...	Sưu tầm tại gia đình ông Kiều Văn Đăng, thôn Ngọ, xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, tháng 9/2020.	Bề mặt không nhẵn, nguyên dạng.	 BTTH.ST20.Đ2'	x
VI. HIỆN VẬT VĂN HÓA DÂN TỘC: 38 hiện vật										64,87375
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Các hiện vật thuộc loại hình công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt,... của dân tộc Dao huyện Ngọc Lặc, dân tộc Kinh và một số hiện vật thuộc dân tộc Mường và Thái ở Thanh Hóa, Bảo tàng cần sưu tầm để bổ sung trưng bày và xây dựng phòng trưng bày mới về đặc trưng dân tộc Kinh và dân Dao ở Thanh Hóa.										
1. Hiện vật dân tộc Mường: 01 hiện vật										
Hiện vật của ông Vũ Quang Tịnh (số 11, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa): 01 hiện vật										
71.	Búa	01	Sừng, gỗ	Dài: 32 KT mặt: 4x3,2	TK 20-21	Búa gồm đầu và tay cầm. Đầu búa làm bằng sừng, hình nón lệch, mặt gỗ hình bầu dục, phẳng nhẵn, giữa thân đục lỗ gắn tay cầm. Tay hình trụ tròn, thon dần ở 2 đầu, tay được làm từ các đốt gỗ cổ định với nhau bằng một thanh sắt cứng (4 đốt lớn và 1 đốt nhỏ). Đây là dụng cụ của thầy mo Mường dùng trong các nghi lễ thực hành tín ngưỡng.	Sưu tầm tại Gia đình của một thầy mo Mường tại xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, năm 2016.	Đầu búa bị sứt xước.	 BTTH.ST20.X1	1,1125
2. Hiện vật dân tộc Thái: 01 hiện vật										
Hiện vật của ông Hoàng Đình Thanh (thôn 9, xã Thiệu Khánh, thành phố Hóa): 01 hiện vật										
72.	Dao	01	Kim loại, sừng	- Dao: Dài: 38,5 Rộng: 4,5 - Tù và: Dài: 30,5	TK 20	Dao gồm 2 phần: lưỡi và cán. Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, 2 bên thân có các gờ lõm song song tạo ma sát khi cầm. Bản lưỡi rộng, sống và lưỡi cong, ria lưỡi mỏng, sắc, mũi nhọn. Bao đựng	Sưu tầm tại Thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, bị sứt nhỏ một số chỗ, dao bị oxi hóa nhẹ.		0,75





				Rộng: 10,6		dao làm bằng tù và, kích thước lớn, thân cong, 2 đầu tù và gắn dây đeo. Đây là một loại công cụ đi rừng dùng để cắt, chặt của đồng bào dân tộc Thái ở Lang Chánh, Thanh Hóa.			BTTH.ST20.KL25	
3. Hiện vật dân tộc Kinh: 05 hiện vật										48,2125
3.1. Hiện vật của ông Hoàng Đình Thanh (thôn 9, xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa): 01 hiện vật										
73.	Tam sơn	01	Gỗ	Dài: 44 Rộng: 14,2 Cao: 14,7	TK 20	Tam sơn là một dạng bệ thờ gồm có 3 cấp, cấp giữa cao hơn 2 cấp hai bên. Mặt bệ hình vuông, phẳng, nhẵn; Mặt trước khảm trai để tài lưỡng long châu nhật với hình ảnh lưỡng long và mặt nhật được cách điệu từ cảnh hoa cúc dây; Mặt lưng không trang trí hoa văn. Đây là đồ dùng để đặt bát hương trên ban thờ xưa nhằm tôn vinh sự trang trọng, uy nghi cho ban thờ.	Sưu tầm tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM5	4,175
3.2. Hiện vật của ông Lê Lệnh Hà (xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật										
74.	Khung ảnh	01	Gỗ	Dài: 19 Rộng: 12 Cao: 35	TK 20	Khung ảnh hình chữ nhật, cấu tạo gồm 2 khung: khung trong và khung ngoài. Khung trong viền trang trí khảm trai hình hoa lá, chính giữa đặt mọng gắn cố định với khung ngoài. Khung ngoài có 2 cạnh dài được tạo kiểu hình cọng tiện, trán là hình lưỡng long châu nhật, chân cao chوồi. Trang trí 4 góc khảm trai hình bông hoa 4 cánh. Toàn thân sơn màu nâu đen.	Sưu tầm tại Gia đình ông Thọ Đồng, xã Tiên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Lớp sơn bị bong nhiều ở trán và chân khung ảnh.	 BTTH.ST20.ĐM6	4,2125
3.3. Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật.										
75.	Ấm (men trắng trang trí vẽ lam)	01	Gốm	ĐKM: 9,2 ĐKĐ: 21,0 Cao: 23,0	TK 19-20	Ấm loại lớn, miệng tròn nhỏ, thành miệng đứng, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Vòi và 4 quai nhỏ được gắn cách đều ở trên vai ấm. Toàn thân phủ men trắng trang trí vẽ lam hoa lá dây cách điệu, 1/2 thân xuống đáy viền cánh hoa cúc xuống lớn.	Sưu tầm tại gia đình ông Loan, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Một bên thân bị vỡ mảnh đã gắn lại, sát gần đáy có 2 đường nứt nhỏ cắt chéo nhau.	 BTTH.ST20.S35	20,65






3.4. Hiện vật của ông Lê Xuân Ước (xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật										
76.	Chóc	02	Gốm	ĐKM:14,4-14,5 ĐKD:20-20,5 Cao:44,3-44,5	TK 20	Chóc có nắp. Nắp vòm, đỉnh có núm tròn dẹt. Bên ngoài phủ men trắng vẽ hoa lam trang trí cảnh hoa đào. Chóc gờ miệng bằng, cổ đứng, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống chân, chân hơi loe, đáy bằng. Cả trong và ngoài phủ men trắng, vẽ hoa lam. Cổ vẽ hoa dây 4 cánh, thân trang trí hình 2 chim công bên gốc cây đào.	Hiện vật sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Văn Tuyên, thôn 6, xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, năm 2020. Đây là đồ dùng do bố của ông Tuyên để lại cho ông sử dụng.	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.KL36	19,175
4. Hiện vật dân tộc Dao: 31 hiện vật										14,79875
4.1. Hiện vật của ông Phùng Quang Du, bà Triệu Thị Quê (làng Hạ Sơn, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc): 04 hiện vật										
77.	Bộ đồ cô dâu người Dao	01 bộ	Vải	- Áo: Dài: 129 Rộng: 49 - Quần: Dài: 70 - Mũ: Dài: 164 Rộng: 68 - Yếm: Dài: 42,5 Rộng: 43	TK 20 - 21	Bộ đồ của cô dâu người Dao gồm yếm, 2 lớp áo dài, quần chẹt, mũ, khăn vấn đầu, đai thắt lưng và xà cạp. Đây là bộ đồ cô dâu của bà Triệu Thị Quê mặc khi lấy ông Phùng Quang Du, bộ đồ do chính tay bố mẹ bà là ông Triệu Quốc Chính và bà Dương Thị Đình may và thêu cho con gái mặc khi đi lấy chồng năm bà 22 tuổi (1974).	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Phùng Quang Du, bà Triệu Thị Quê (làng Hạ Sơn, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, sờn. Còn thiếu một số bộ phận: khăn vấn đầu màu đỏ, đai thắt lưng màu xanh đỏ và yếm đào.	 BTTH.ST20.ĐD1	1,875
78.	Bộ đồ thầy hai	01 bộ	Vải	-Áo: Dài: 118 Rộng: 57,5 -Váy: Dài: 79 -Đai: Dài: 40	TK 20 - 21	Thầy hai mặc bộ đồ này khi làm các lễ cấp sắc, chủ đám tết nhảy, lễ tạ mã. Bộ đồ gồm áo dài, váy, dây buộc mũ, thắt lưng trắng, thắt lưng dài nhiều màu, xà cạp, túi đựng đồ,... Đây là bộ đồ của ông Phùng Quang Du, tên tự sau khi được cấp sắc là Phùng Pháp Học. Tháng 10/1977 ông bắt đầu làm thầy sau khi được cấp sắc, đến nay ông đã làm hơn 100 buổi lễ (cả thầy một và thầy hai): lễ cấp sắc (2 ngày 2 đêm), tết nhảy (3 ngày 3 đêm), tạ mã, đám hiếu, ma tươi, ma khô, dựng bát hương (1 ngày 1 đêm), làm gia phả (3 cuộc, mỗi cuộc 1 ngày 1 đêm)...	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Phùng Quang Du, bà Triệu Thị Quê (làng Hạ Sơn, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, sờn. Còn thiếu bộ phận: mũ giấy.	 BTTH.ST20.ĐD2	4,875





79.	Sách khai đàn	01	Giấy	Dài: 26 Rộng: 14,5	TK 20 - 21	Sách khai đàn là phần sách được đọc sau khi mời tổ tiên về và đọc khai đàn để vào buổi lễ chính. Sách được đọc trong các buổi lễ: lễ cấp sắc, tết nhảy, tạ mã, đám hiếu. Sách được ghi chép bằng chữ Nôm Dao dưới dạng ký tự chữ Hán để ký âm. Đây là một trong những cuốn sách của ông Du dùng trong các buổi cúng lễ.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Phùng Quang Du, bà Triệu Thị Quê (làng Hạ Sơn, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, nhàu, rách mép.	 BTTH.ST20.G6	0,4625
80.	Sách ngoại môn ca	01	Giấy	Dài: 28,5 Rộng: 16	TK 20 - 21	Sách ngoại môn ca là phần được hát ở ngoài ngõ môn (cửa) trong đêm thứ 2 khi cúng làm gia phả, cả nam và nữ cùng hát để đón Bàn Vương về chứng kiến buổi lễ của gia đình. Sách được ghi chép bằng chữ Nôm Dao dưới dạng ký tự chữ Hán để ký âm. Đây là cuốn sách ông Du dùng trong buổi lễ.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Phùng Quang Du, bà Triệu Thị Quê (làng Hạ Sơn, xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, nhàu, rách mép.	 BTTH.ST20.G7	0,4625
4.2. Hiện vật của ông Triệu Duyên Hùng, bà Dương Thị Viên (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc): 08 hiện vật										
81.	Kèn	01	Gỗ	ĐKM: 10 Dài: 40	TK 20 - 21	Kèn là nhạc cụ thuộc họ hơi gồm 3 phần: Đầu thổi, thân kèn và loa kèn. Đầu thổi là một ống nhựa nhỏ gắn thông với thân kèn. Thân kèn là một ống gỗ tròn đục rỗng, có 7 đốt. Loa kèn loe dạng phễu. Đây là dụng cụ của ông Hùng dùng để thổi trong các buổi cúng lễ, tùy theo từng buổi lễ mà có các giai điệu khác nhau.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Triệu Duyên Hùng, bà Dương Thị Viên (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM7	0,45
82.	Bộ đục tiền giấy	03	Gỗ, KL	- Đục giấy: Dài: 9,0 Rộng: 2,7 - Búa: Dài: 17,3 Rộng: 5,2 - Kẹp giấy:	TK 20 - 21	Bộ đục tiền của người Dao gồm: giấy bản, kẹp giấy, đục giấy và búa gỗ. Giấy bản được cắt thành hình chữ nhật gồm 2 màu trắng và vàng nhạt được giữ giữa 2 mảnh gỗ để làm phẳng giấy. Đục được làm bằng kim loại, đầu đục có 3 lỗ hình tròn thẳng hàng, đầu gỗ thon nhỏ. Búa làm bằng gỗ, vừa tay	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Triệu Duyên Hùng, bà Dương Thị Viên (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, tương đối lành, ria kẹp giấy sứt nhỏ.	 BTTH.ST20.KL26	0,4625



				Dài: 24,7 Rộng: 9,7		cắm, đầu hình gần vuông, tay hình trụ tròn. Đây là dụng cụ của ông Hùng dùng để tạo ra một loại hình tiền giấy sử dụng trong các buổi cúng lễ. Bộ dụng cụ này ông Hùng được bố ông là Triệu Quang Tú truyền lại khi ông bắt đầu đi làm thầy năm 25 tuổi (1972).				
83.	Sách dạy người – cuốn cấp 3	01	Giấy	Dài: 28,2 Rộng: 16	TK 20	Sách dạy người là sách người Dao răn dạy con cháu cách làm người đúng đắn, phải biết cần cù, tiết kiệm, học làm ruộng, làm nương, trồng lúa. Sách được ghi chép bằng chữ Nôm Dao dưới dạng ký tự chữ Hán để ký âm. Cuốn sách do ông cố của ông Hùng đem vào khi gia đình di cư từ Hòa Bình vào Thanh Hóa sinh sống, năm Bình Dân (1926).	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Triệu Duyên Hùng, bà Dương Thị Viên (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, nhàu, rách mép.	 BTTH.ST20.G8	0,8875
84.	Hộp nhỏ	01	Kim loại	ĐKM: 5,0 ĐKD: 5,0 Cao: 2,3	TK 20 - 21	Hộp hình trụ tròn nhỏ, nắp phẳng vừa với thân. Hộp dùng để đựng thuốc Lào, một trong những đồ dùng sinh hoạt của gia đình người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Triệu Duyên Hùng, bà Dương Thị Viên (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL27	0,18125
85.	Bầu đựng nước	01	Hữu cơ	ĐKM: 1,8 Cao: 33	TK 20 - 21	Bầu hình hồ lô, miệng nhỏ, thân thắt 2 bầu. Đây là đồ dùng để đựng nước khi đi nương của đồng bào dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Triệu Duyên Hùng, bà Dương Thị Viên (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM8	0,1
86.	Công cụ tra hạt	01	Kim loại	Dài: 47,5 Rộng lưỡi: 4,3	TK 20 - 21	Công cụ tra hạt gồm 2 phần: cán và lưỡi. Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, bản lưỡi cong, rìa lưỡi thẳng, lưỡi có hõng tra vào cán. Đây là một loại công cụ lao động, dùng để xới đất tra hạt của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Triệu Duyên Hùng, bà Dương Thị Viên (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL28	0,175



4.3. Hiện vật của bà Triệu Thị Quê (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc): 04 hiện vật										
87.	Lồng	01	Hữu cơ	KT miệng: 13x14 Cao: 27,5	TK 20 - 21	Lồng được đan bằng sợi cây mây, hình trụ tròn, miệng loe, thuôn dần xuống đáy, đáy lõm, gân miệng gắn một mảnh gỗ hình bán nguyệt, chính giữa khoét một lỗ hình chữ nhật để giắt dao, sát miệng có luồn quai đeo. Đây là một loại đồ dùng đeo đi rừng của đồng bào dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ bà Triệu Thị Quê (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM9	0,26875
88.	Bào	01	Hữu cơ	Dài: 51,5 Rộng: 3,3	TK 20 - 21	Bào được làm từ cành của cây song, người Dao tận dụng những cái gai trên thân cây để làm dụng cụ bào (gùng, tói, ớt...) vừa là vật liệu thiên nhiên, vừa sử dụng được lâu dài. Đây là một loại hình đồ dùng trong sinh hoạt của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ bà Triệu Thị Quê (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM10	0,02
89.	Gáo	01	Hữu cơ	KT miệng: 11x14 Dài: 31,5	TK 20 - 21	Gáo được làm từ quả bầu khô, rỗng ruột, 1/3 thân bầu được cắt bỏ tạo thành miệng gáo. Đây là một loại hình đồ dùng trong sinh hoạt của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ bà Triệu Thị Quê (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM11	0,05
90.	Dùi	01	Kim loại	Dài: 30,5	TK 20 - 21	Dùi gồm 2 phần: cán và mũi. Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn nhỏ, phần mũi làm từ thành sắt nhỏ, nhọn. Đây là dụng cụ xuyên lỗ để "nức cạp" các vành rổ, giá, thúng mùng, nong nia, lồng, giỏ, sọt... được đan từ các loại nan tre, mây... của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ bà Triệu Thị Quê (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cán bị vỡ 1 góc, dùi bị oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL29	0,03
4.4. Hiện vật của ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc): 15 hiện vật										
91.	Nỏ	01	Gỗ	Dài thân: 68,5 Rộng cung:6,8	TK 20 - 21	Nỏ làm bằng gỗ gồm 2 bộ phận: thân và cánh. Phần thân được làm từ cây sắt rừng, bào nhẵn, dáng như con chuồn chuồn, đầu to, đuôi nhỏ, trên 1/2 thân có lẫy nỏ. Phần cánh vát mỏng về hai đầu, trên 2 đầu vát nhọn hoặc tạo khắc để buộc dây, dây cung làm từ vỏ cây gai. Đây là công cụ dùng để	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM12	1,125






						sản bản thú rừng của đồng bào dân tộc Dao khi xưa.				
92.	Ổng đưng mũi tên	01 bộ	Hữu cơ	- Mũi tên: Dài: 34,5 – 37 - Ổng đưng: ĐK: 4,8 Dài: 44	TK 20 - 21	Ổng có nắp đậy, sử dụng đưng mũi tên, đưng làm từ một đoạn thân cây tre, rỗng ruột, hai bên thân đưng gia cố thêm 2 đoạn gỗ nhỏ hình chữ nhật dài, để tăng độ chắc chắn; Mũi tên vót từ thân cây tre, thân nhỏ, mảnh, mũi nhọn, đuôi gắn cánh chuồn nhỏ. Đây là công cụ đưng để săn bản thú rừng của đồng bào dân tộc Dao khi xưa.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, sứt nhỏ một số chỗ.	 BTTH.ST20.ĐM13	0,09375
93.	Rìu	01	Kim loại	Dài: 68,5 Rộng lưỡi: 6,8	TK 20 - 21	Rìu gồm 2 phần: cán và lưỡi. Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, đầu cán gắn với thân của lưỡi rìu. Lưỡi làm bằng kim loại, hình tứ giác, có họng tra cán hình chữ nhật, lưỡi mỏng, vát, ria lưỡi thẳng, sắc. Lưỡi đưng tra vào đoạn gỗ dài hình chữ nhật, cán rìu đưng gắn vào chính giữa của thân gỗ để làm điểm tựa nhằm tăng lực tác động khi bô. Đây là một loại công cụ lao động, đưng để chặt của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành, lưỡi bị oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL30	0,475
94.	Dao	01	Kim loại	Dài: 45,2 Rộng lưỡi: 6,2	TK 20 - 21	Dao gồm 2 phần: cán và lưỡi. Cán làm bằng gỗ, hình trụ dẹt, bản lưỡi rộng, sống thẳng, ria lưỡi hơi cong, mỏng, sắc. Đây là một loại công cụ lao động, đưng để cắt, chặt của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành, lưỡi bị oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL31	0,0475
95.	Rựa	01	Kim loại	Dài: 46,2 Rộng lưỡi: 9,2	TK 20 - 21	Rựa gồm 2 phần: cán và lưỡi. Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn, bản lưỡi rộng, mũi cong, sống thẳng, ria lưỡi mỏng, sắc. Đây là một loại công cụ lao động, đưng để chặt, cắt, phát quang của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại Gia đình ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, cán sứt nhiều, lưỡi bị oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL32	0,0475




96.	Dao nhọn	01	Kim loại	Dài: 42 Rộng lưỡi: 3,3	TK 20 - 21	Dao nhọn gồm 2 phần: cán và lưỡi. Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn nhỏ, bản lưỡi nhỏ vừa, sống và lưỡi hơi cong, rìa lưỡi mỏng, sắc, mũi nhọn. Đây là một loại công cụ lao động, dùng để cắt, chặt của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, cán nứt, lưỡi bị oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL33	0,0475
97.	Tia	01	Kim loại	Dài: 27 Rộng lưỡi: 1,0	TK 20 - 21	Tia gồm 2 phần: cán và lưỡi. Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn; lưỡi làm bằng sắt, bản lưỡi nhỏ, cạnh thẳng, rìa lưỡi nhỏ, vát, sắc. Đây là một loại công cụ lao động, dùng để tia gọt khi chế tác đồ gỗ của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành, lưỡi bị oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL34	0,1
98.	Đục	01	Kim loại	Dài: 35,5 Rộng lưỡi: 3,4	TK 20 - 21	Đục gồm 2 phần: cán và lưỡi. Cán làm bằng gỗ, hình trụ tròn dài, bản lưỡi cong nhẹ, cạnh thẳng, rìa lưỡi nhỏ, mỏng, sắc. Đây là một loại công cụ lao động, dùng để đục đẽo khi chế tác đồ gỗ của người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành, lưỡi bị oxi hóa nhẹ.	 BTTH.ST20.KL35	0,1875
99.	Công cụ chơi khập chân	02	Hữu cơ	Dài: 5,8-6,0 Rộng: 4,3-4,8	TK 20 - 21	Công cụ được lấy từ hạt cây dây măng, hình gần chữ nhật, bên trong có các hạt nhỏ, khi đá kêu lóc lác. Đây là một loại đồ chơi dân gian của thanh thiếu niên và cũng là một loại dược liệu chữa bệnh đau bụng của người dân tộc Dao khi xưa.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.ĐM14	0,19375
100.	Khuyên tai	01 đôi	Bạc	ĐK: 2,8-3,0	TK 20 - 21	Khuyên tai bằng bạc, hình tròn hờ, mặt cắt thân tròn, nhỏ dần về hai đầu, một đầu tạo mấu xoắn để giữ khi đeo, đầu còn lại hơi nhọn. Hiện vật là đồ trang sức của bà Bàn Thị Xoan được cha mẹ cho khi về nhà chồng.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.KL36	1,6875
101.	Vi ruồi	01	Hữu cơ	Dài: 59,5 Rộng: 14	TK 20 - 21	Vi gồm 2 phần: cán và bàn đập. Cán dài được làm từ thân tre, bàn đập đan bằng sợi nan tạo hình quạt. Đây là một loại hình đồ	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân	Cũ, lành.		0,01875





						dùng sinh hoạt được người dân tộc Dao sử dụng để đập ruồi.	Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).		BTHH.ST20.ĐM15	
102.	Đục giấy	01	Gỗ	Dài: 14,3 Rộng: 2,5	TK 20 - 21	Đục được làm bằng gỗ, đầu gỗ hơi thon vào được bọc kim loại, đầu đục có 3 lỗ hình tròn thẳng hàng. Đây là một trong những dụng cụ ông Hiền sử dụng để tạo ra một loại hình tiền giấy sử dụng trong các buổi cúng lễ.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, lành.	 BTHH.ST20.ĐM16	0,1875
103.	Múng	02	Hữu cơ	ĐKM:24,2-25 Cao:11,4-11,5	TK 20 - 21	Múng loại nhỏ, đan bằng nan tre, miệng tròn rộng, đáy lồi, dưới đáy gắn 2 thanh gỗ bắt chéo nhau tạo 4 chân vững chắc. Đây là đồ dùng để đựng cơm, xôi trong các dịp lễ của các gia đình người dân tộc Dao.	Hiện vật sưu tầm tại gđ ông Bàn Đức Hiền, bà Bàn Thị Xoan (làng Tân Thành, xã Thạch Lập, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa).	Cũ, tương đối lành, 01hv chân bị thủng nhỏ.	 BTHH.ST20.ĐM17	0,2875
B.MUA SƯU TẬP CỔ VẬT QUÝ HIẾM: 69 HIỆN VẬT										
I. TRỐNG ĐỒNG CỔ: 01 hiện vật										
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Bảo tàng Thanh Hóa hiện nay được đánh giá là một trong những Bảo tàng địa phương có số lượng trống đồng nhiều nhất trong cả nước. Trống đồng trong danh mục đề nghị sưu tầm năm nay là trống đồng Loại IV, bảo tàng chưa có cần sưu tầm bổ sung bộ sưu tập.										283,375
Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật										
104.	Trống đồng	01	Đồng	ĐKM: 48 ĐKC: 47 Cao: 24,5	TK11 - 13	Mặt không chòm khôi tang, tang phình, thân thóp, chân choãi, ngăn cách giữa tang, thân và chân là 1 đường gờ nổi. - <i>Mặt trống:</i> Chính giữa là mặt trời 12 tia mập, các tia vươn ra khỏi đường chỉ giới hạn. Tính từ tâm ra có 11 vòng hoa văn: Vòng 1,5,7: ô vuông lồng; Vòng 2,6,8: hoa 4 cánh xen kẽ nhũ đỉnh; Vòng 3: vòng tròn có xoắn kép; Vòng 4: 25 hình người cách điệu; Vòng 9: vạch ngắn song song; Vòng 10: hàng nhũ đỉnh; Vòng 11: hồi văn chữ S lồng. - <i>Tang trống:</i> Có 3 vành hoa văn:	Sưu tầm tại xã Trung Thành, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Oxi hóa, trên thân có một số vết thủng nhỏ.	  BTHH.ST20.KL37	283,375






						<p>Vòng 1: ô vuông lõng; Vòng 2: vòng tròn có xoắn kép; Vòng 3: hoa 4 cánh.</p> <p>- <i>Thân trống</i>: không trang trí hoa văn, chỉ có 1 đường gờ nổi.</p> <p>- <i>Chân trống</i>: Có 5 vành hoa văn: Vành 1: hoa 4 cánh; Vành 2: vòng tròn có xoắn kép; Vòng 3: ô vuông lõng; Vòng 4: hoa văn lõng công; Vòng 5: móc xoắn kiểu tay mướp.</p> <p>Tang gắn 2 đôi quai đơn hình chữ C, trang trí hoa văn bông lúa.</p>				
<p>II. CỔ VẬT VĂN HÓA ĐÔNG SƠN: 15 hiện vật</p> <p><i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng</i>: Các hiện vật trong danh mục đề nghị sưu tầm năm nay gồm những hiện vật tương đối lành (so với các hiện vật thời kỳ này hiện lưu giữ trong kho) phản ánh bức tranh toàn cảnh về đời sống sinh hoạt của cư dân Việt cổ thời kỳ Văn hóa Đông Sơn cũng như công nghệ luyện kim đạt đến đỉnh cao về công nghệ đúc đồng. Đặc biệt là các hiện vật Dao trang trí gắn chim ở chuỗi, lục lạc, vòng tay... đây là những hiện vật mà Bảo tàng chưa có, cần sưu tầm để bổ sung bộ sưu tập và phục vụ công tác trưng bày.</p>										149,49625
<p>1. Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật</p>										
105.	Dao găm cán chữ T (trang trí hình chim)	01	Đồng	<p>Dài: 26,0 Rộng lưỡi: 3,7 Dài cán: 10,4</p>	<p>VHĐS (Cách ngày nay 2.500-2.000 năm)</p>	<p>Dao găm gồm 2 phần lưỡi và cán. Lưỡi mỏng dẹt, thon đều xuống mũi, mũi nhọn, chấn tay quạp. Cán hình chữ T, 2 đầu rộng, lòng rỗng, ở giữa hẹp, mặt cắt ngang hình bầu dục, gấn chấn tay có lỗ thủng hình giọt nước, đầu cán gắn một đôi chim bồ nông quay vào nhau.</p>	<p>Vết được ở Sông Chu đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.</p>	Oxi hóa.	 <p>BTTH.ST20.KL38</p>	122,75
<p>2. Hiện vật của ông Nguyễn Trọng Thiện (SN 217, đường Tổng Duy Tân, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa): 03 hiện vật</p>										
106.	Dũa	01	Đồng	<p>Dài: 15,3 Rộng: 6,4</p>	<p>VHĐS (cách ngày nay 2.500 – 2.000 năm)</p>	<p>Bản dũa hình chữ nhật, có khung nổi xung quanh. Trên mặt có 23 hàng đầu đinh nhọn. Mặt lưng có gờ nổi hình tam giác. Một đầu có cán và vòng tròn để treo. Đây là loại hình hiện vật độc đáo của văn hóa Đông Sơn.</p>	<p>Sưu tầm tại xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, tháng 6/2020.</p>	Oxi hóa, sứt nhỏ ở rìa cạnh và cán.	 <p>BTTH.ST20.KL39</p>	8,825





107.	Bình, nôi	02	Đất nung	-Bình: ĐKM: 9,8 ĐKĐ: 9,1 Cao: 13,0 - Nôi: ĐKM: 17,3 Cao: 12,3	Cách ngày nay 2.800 – 3.000 năm	- Bình: Miệng tròn đứng, cổ cao, vai xuôi, thân phình nhọn thon dần xuống đáy, đáy tròn, chân đế cao loe. Trên vai và thân trang trí vân chải. Xương gốm màu hồng xám. - Nôi: Miệng tròn loe, vành miệng loe bề ra ngoài, cổ cao, thân phình nhẹ thon dần xuống đáy, đáy tròn. Từ vai xuống đáy trang trí vân chải. Xương gốm màu hồng xám.	Các hiện vật được phát hiện cùng với nhau tại khu vực đồng hoa Cửa Bụt, nơi giáp giữa làng Đại Khối (p. Đông Cương) và xã Thiệu Vân (h. Thiệu Hóa).	-Bình có vết nứt nhỏ từ miệng xuống giữa thân, gần đáy có vết vỡ đã gắn lại. -Nôi tương đối lành.	 BTTH.ST20.KL37	4,2
3. Hiện vật của ông Lê Trọng Vĩnh (thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật										
108.	Lục lạc	01	Đồng	Dài: 5,0 Rộng: 4,3	TK 1-3 (VHĐS muộn)	Lục lạc có vòng ở giữa, hình tròn, thành cao, bên ngoài 1 bên gắn 3 quả lục lạc hình cầu tròn, bên đối diện trang trí nổi hình con hươu đang quay đầu. Hiện vật là một loại hình nhạc khí của người Việt thời Văn hóa Đông Sơn muộn.	Sưu tầm tại khu vực núi Nưa, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Oxi hóa, rìa cạnh sứt nhỏ.	 BTTH.ST20.KL40	4,675
109.	Khuyên tai	01 đôi	Đá thủy tinh	Dài: 1,8-2,1	VHĐS (Cách ngày nay 2.500-2.000 năm)	Khuyên tai bằng đá thủy tinh màu xanh lục trong suốt. Đầu khuyên hình bán cầu, chân hình trụ tròn. Đây là một trong các loại hình đồ trang sức của người Việt cổ.	Vớt được ở sông Chu đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.Đ3	1,1775
4. Hiện vật của ông Lương Thế Thắng (SN 16/5, đường Trần Quốc Toản, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa): 05 hiện vật										
110.	Lất lúa	03	Đồng	Dài: 8,5-11 Rộng lưỡi: 3,7-5	VHĐS (Cách ngày nay 2.500-2.000 năm)	Lất lúa hình nửa bầu dục, 2 mặt phẳng, cạnh lưng thẳng, cạnh lưỡi cong, rìa lưỡi mỏng sắc. Rìa sống lưng có 2 lỗ nhỏ hình chữ nhật. Đây là một trong các loại hình công cụ lao động của người Việt cổ.	Vớt được ở sông Chu đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL41	1,9875
111.	Lất lúa	01	Đồng	Dài: 8,8 Rộng lưỡi: 4,0	VHĐS (Cách ngày nay 2.500-2.000 năm)	Lất lúa hình gần bầu dục, 2 mặt phẳng, rìa lưỡi cong, mỏng, sắc. Sát rìa cạnh lưng có 2 lỗ nhỏ hình chữ nhật. Đây là một trong các loại hình công cụ lao động của người Việt cổ.	Vớt được ở sông Chu đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Oxi hóa.	 BTTH.ST20.KL42	0,63125





112.	Lất lúa	01	Đồng	Dài: 7,8 Rộng lưỡi: 5,0	VHDS (Cách ngày nay 2.500-2.000 năm)	Lất lúa hình giọt nước, 1 mặt phẳng, 1 mặt hơi cong, cạnh lưng cong lồi, cạnh lưỡi cong lõm, rìa lưỡi mỏng, sắc. Sát cạnh lưng có gắn 1 quai đứng cao hình chữ C. Đây là một trong các loại hình công cụ lao động của người Việt cổ.	Vớt được ở sông Chu đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Oxi hóa.		BTTH.ST20.KL43	1,31
5. Hiện vật của ông Hoàng Văn Du (thôn Hải Thành, xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa): 04 hiện vật											
113.	Vòng tay	01	Đồng	ĐK: 6,2 Rộng: 2,3	VHDS (Cách ngày nay 2.500-2.000 năm)	Vòng tay hình tròn, bản vòng rộng, có khe hở, thành cong lòng máng. Mặt trong nhẵn, mặt ngoài trang trí bằng các đường chỉ chìm chạy quanh.	Sưu tầm tại làng Tô, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, tháng 02/2020.	Oxi hóa, sứt nhỏ rìa cạnh.		BTTH.ST20.KL44	1,565
114.	Vòng tay	01	Đồng	ĐK: 8,2 Dày: 0,8	VHDS (Cách ngày nay 2.500-2.000 năm)	Vòng tay hình tròn, kích thước lớn, mặt cắt ngang hình tròn. Thân trang trí các đường chỉ chìm chạy quanh.	Sưu tầm tại làng Tô, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, tháng 02/2020.	Oxi hóa.		BTTH.ST20.KL45	1,0125
115.	Vòng tay	02	Đồng	ĐK: 7,5-7,8 Dày: 0,4-0,5	VHDS (Cách ngày nay 2.500-2.000 năm)	Vòng tay hình tròn, kích thước vừa, mặt cắt ngang hình tròn, bên ngoài vòng có gờ nổi mảnh. Toàn thân trang trí hoa văn vằn thừng.	Sưu tầm tại làng Tô, xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, tháng 02/2020.	Oxi hóa.		BTTH.ST20.KL46	1,3625
III. CỔ VẬT THỜI LÝ: 05 hiện vật											552,725
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng: Các hiện vật thời kỳ này hiện tại Bảo tàng có rất ít, loại hình không nhiều, men xấu, sứt vỡ tương đối. Nhóm hiện vật đề nghị sưu tầm năm nay là những hiện vật đẹp, tương đối lành là những tiêu bản mà Bảo tàng chưa có, cần sưu tầm phục vụ công tác trưng bày.</i>											
1. Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật											
116.	Ấm (đầu rồng, đuôi vệt)	01	Gốm	ĐKM: 4,1 ĐKĐ: 9,4 Cao: 15,5 Vòng bụng: 48	TK 11-12	Ấm không có nắp, miệng tròn, gờ miệng tròn, cổ thắt, vai ngang, thân phình thon xuống đáy, đáy bằng, chân đế cao loe. Vai ấm trang trí cánh sen kép đắp nổi, trên vai có vòi và quai gắn đối xứng nhau, vòi	Sưu tầm tại xã Thiệu Duy, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Đầu vòi và quai bị sứt đã được phục chế lại.			286,625




						ngắn trang trí hình đầu rồng, quai nhỏ trang trí hình chim vẹt. Thân được chia thành 8 ô, các ô được phân cách nhau bằng 1 đường chỉ chim. Toàn thân phủ men trắng ngà, tròn để mộc.			BTTH.ST20.S38	
117.	Bình (men trắng có nắp)	01	Gốm	ĐKM: 11,2 ĐKĐ: 15,2 Cao: 18,8	TK 12-13	Bình có nắp, miệng tròn, gờ miệng nhỏ, vành miệng vát xiên, cổ ngắn, vai ngang, thân phình thon dần xuống đáy, đáy bằng. Trên vai trang trí 1 vành cánh sen kép đắp nổi, bên ngoài có 6 quai nhỏ hình mũi thuyền. Nắp tròn, đỉnh nắp có núm tròn, chân núm trang trí vành cánh sen kép nổi. Cả trong và ngoài phủ men trắng xanh rạn, riêng tròn và lòng nắp để mộc.	Sưu tầm tại làng Duy Tiều, phường Quảng Hưng, tp. Thanh Hóa.	Vành miệng sứ nhỏ.	 BTTH.ST20.S39	224,0
2. Hiện vật của ông Lê Trọng Vĩnh (thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật										
118.	Ấm cao chân	01	Gốm	ĐKM: 9,8 ĐKĐ: 8,5 Cao: 17	TK 11-12	Ấm có nắp, miệng tròn, gờ miệng nhọn, vành miệng vát xiên, cổ thắt, vai ngang, thân phình thon xuống đáy, đáy bằng, chân đế cao loe. Vai có vòi và quai gắn đối xứng nhau, vòi ngắn, quai nhỏ xoắn móc câu. Nắp tròn, lưng vòm, đỉnh có núm nhỏ hình quả đào, lòng nắp có gờ nổi nhỏ. Toàn thân phủ men trắng ngà, tròn để mộc.	Sưu tầm tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa.	Bong men một số chỗ, gờ miệng và rìa nắp bị sứ nhỏ.	 BTTH.ST20.S40	37,275
3. Hiện vật của ông Vũ Quang Tịnh (số 11, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa): 02 hiện vật										
119.	Đèn cốc	02	Gốm	ĐKM: 5,2-6,5 ĐKĐ: 3,5-4 Cao: 3	TK 11-13	Bát nhỏ, miệng khum, thân phình thon xuống đáy, chân đế cao hơi loe. Lòng bát chính giữa gắn 1 núm nhỏ hình nón rỗng ruột. Toàn thân bát phủ men trắng ngà, riêng đế bôi nâu.	Sưu tầm tại xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, năm 2003.	Bát bị sứ nhỏ gờ miệng.	 BTTH.ST20.S41	4,825
IV. CỔ VẬT THỜI TRẦN: 12 hiện vật <i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Nhóm hiện vật này gồm 12 hiện vật gồm: châu, thập gốm hoa nâu, bát men da báo, bát trang trí cá chép và em bé... là những hiện vật có kiểu dáng, hoa văn trang trí đặc biệt, là đồ quý hiếm... bảo tàng cần sưu tầm để bổ sung bộ sưu tập và phục vụ công tác trưng bày – tuyên truyền.										711,185



1. Hiện vật của ông Lê Gia Mai (số 16, Lương Thế Vinh, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa): 01 hiện vật										
120.	Chậu hoa nâu	01	Gốm	ĐKM: 24,7 ĐKĐ: 13,7 Cao: 11,0	TK 13-14	Chậu miệng tròn, vành miệng tròn loe bề ra ngoài, thành chậu vát xiên dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp. Thành ngoài chậu trang trí cánh lá uốn lượn tô men nâu được giới hạn bởi 2 vành chấm nâu chạy quanh. Toàn thân phủ men trắng đục, riêng tròn đế mộc.	Vớt được ở sông Chu, đoạn chảy qua huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Miệng sứ 1 mảnh nhỏ đã sửa lại, có 1 vết nứt từ miệng xuống thân.	 BTTH.ST20.S42	29,7625
2. Hiện vật của ông Lê Trọng Vĩnh (thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật										
121.	Bát (men da báo)	01	Gốm	ĐKM: 17,2 ĐKĐ: 6,0 Cao: 7,5	TK 13-14	Bát miệng loe, gờ miệng nhọn, thành uốn, xiên dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp. Thành bát trang trí 1 vành hoa văn với cành dương xỉ xen kẽ hoa 4 cánh. Đáy có 4 dấu con kê. Toàn thân phủ men rạn màu ngả vàng, riêng thành ngoài bát có các đốm men sẫm màu, tròn đế mộc.	Sưu tầm tại khu vực núi Nưa, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Mất mảnh, có sự tu sửa vành miệng.	 BTTH.ST20.S43	21,8
3. Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 03 hiện vật										
122.	Bát (trang trí cá chép và em bé ẩn trong hoa lá dây)	01	Gốm	ĐKM: 21,5 ĐKĐ: 7,5 Cao: 9,0	TK 14	Bát miệng tròn, gờ miệng nhọn, thành vát xiên dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp, lòng bát có 5 dấu con kê. Thành bát trang trí 2 em bé và 2 con cá chép ẩn trong hoa lá dây cách điệu. Toàn thân phủ men màu vàng sẫm, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Có 3 vết nứt nhỏ từ miệng xuống thân.	 BTTH.ST20.S44	34,6125
123.	Bát (men vàng trang trí hoa sen)	01	Gốm	ĐKM: 20,9 ĐKĐ: 8,2 Cao: 7,7	TK 14	Bát miệng tròn, gờ miệng nhọn, thành vát xiên dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp, lòng bát có 5 dấu con kê. Thành bát trang trí 1 em bé ẩn trong hoa lá sen dây cách điệu. Toàn thân phủ men màu vàng sẫm, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Vành miệng có 2 đường nứt ngắn do kỹ thuật nung.	 BTTH.ST20.S45	31,9875




124.	Bát (men vàng sẫm trang trí em bé ẩn hoa sen)	01	Gốm	ĐKM: 17,6 ĐKĐ: 5,9 Cao: 7,7	TK 13-14	Bát miệng tròn, gờ miệng nhọn, thành vát xiên dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp, lòng bát có 5 dấu con kê. Thành bát trang trí 2 em bé ẩn trong hoa lá sen cách điệu. Toàn thân phủ men màu vàng sẫm, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Miệng có 1 vết nứt nhỏ từ miệng xuống giữa thân. Vành miệng sứ nhỏ 5 chỗ.		17,825
4. Hiện vật của ông Lê Lệnh Hà (xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 03 hiện vật										
125.	Bình vôi	01	Gốm	ĐKM: 2,0 ĐKĐ: 4,3 Cao: 6,0	TK 13-14	Bình vôi dáng hình tròn hơi bè, miệng tròn nhỏ nằm ở một bên thân, đỉnh có quai hình tua cau, chân đế nhỏ. Toàn thân phủ men trắng ngà, riêng đế mộc không phủ men.	Sưu tầm tại p. Quảng Hưng, tp. Thanh Hóa, năm 2019.	Tương đối lành.		5,6875
126.	Bát (men trắng trang trí hình bát bảo)	01	Gốm	ĐKM: 15,9 ĐKĐ: 6,1 Cao: 6,5	TK 14	Bát miệng loe, gờ miệng cắt khắc không đều, thành xiên vát về đáy, đáy bằng, chân đế thấp. Lòng bát trang trí bông hoa cúc mềm mại, thành bát chia 8 ô, trang trí trong các ô là 4 bông sen đứng xen kẽ với 4 biểu tượng bát bảo (kiếm, bình rượu, quạt, sênh tiền), ngăn cách giữa các ô là 1 đường chỉ mảnh. Toàn thân phủ men trắng ngà, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, lành.		4,125
127.	Bát (men xanh nhạt)	01	Gốm	ĐKM: 15,8 ĐKĐ: 5,5 Cao: 6,5	TK 13-14	Bát miệng loe, gờ miệng tròn, thành xiên vát về đáy, đáy bằng, chân đế thấp. Lòng bát trang trí bông hoa 5 cánh, thành bát chia 4 ô, trang trí trong các ô là 2 bông sen xen kẽ với 2 bông hoa dây, ngăn cách giữa các ô là đường gờ mảnh. Toàn thân phủ men xanh ngả vàng, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại phường Quảng Hưng, tp. Thanh Hóa.	Có một vết nứt nhỏ từ miệng xuống gần đáy.		8,3
128.	Bát (men trắng trang trí hình chim phượng)	01	Gốm	ĐKM: 14,5 ĐKĐ: 6,5 Cao: 6,4	TK 14	Bát miệng loe, gờ miệng tròn, thành vát xiên dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp. Thành bát trang trí 4 hình chim phượng đang giang rộng cánh, giới hạn bởi 1 đường chỉ chìm ở giữa thành bát. Toàn thân phủ men trắng ngà rạn.	Vớt được ở sông Chu, đoạn chảy qua xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Gờ miệng có vết sửa nhỏ.		7,8375





7. Hiện vật của ông Cao Văn Quang (xã Hoàng Thanh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật										
129.	Thạp cóc (Liễn)	01	Gốm	ĐKM: 10,6 ĐKĐ: 8 Cao: 11,5	TK 13-14	Liễn có nắp, miệng tròn, vành miệng loe, gờ miệng vát xiên, thân phình nhẹ thuôn dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp. Nắp tròn, vòm, vành nắp bẻ ngang. Toàn thân phủ men trắng ngà vàng rạn, riêng tròn và lòng nắp để mộc	Sưu tầm huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, sành.	 BTTT.ST20.S51	5,8125
130.	Bình vôi	01	Gốm	ĐKM: 2,5 x 3 ĐKĐ: 6,9 Cao: 12	TK 13-14	Bình vôi dáng hình tròn, miệng tròn nhỏ nằm ở một bên thân, đỉnh có quai hình uốn lượn giao long, chân đế cao. Toàn thân phủ men trắng ngà, riêng đế để mộc không phủ men.	Sưu tầm huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa năm 2018.	Thân bị rạn nứt men do dấu vết sử dụng.	 BTTT.ST20.S52	5,685
8. Hiện vật của bà Tạ Xuân Mai (số 11, ngõ 48 phố Thọ Lão, phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội): 01 hiện vật										
131.	Thạp (hoa nâu)	01	Gốm	ĐKM: 21 ĐKĐ: 21 Cao: 31	TK 13-14	Miệng rộng, gờ miệng vát nhọn, cổ ngắn thắt nhẹ, vai trang trí đắp nổi vành cánh sen kép và 04 tai hình chữ C nằm ngang. Thân trang trí khắc chìm tô nâu vành hoa văn thân, lá cúc dây và chim.	Sưu tầm tại TT Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa năm 2017.	Cũ, sành.	 BTTT.ST20.S53	537,75
V. CỔ VẬT THỜI HỒ: 05 hiện vật										
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Nhóm hiện vật này gồm 05 hiện vật là những hiện vật còn tương đối lành, đẹp, hoa văn trang trí độc đáo, đảm bảo tính thẩm mỹ trong trưng bày mà Bảo tàng hiện chưa có.										115,02
1. Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 04 hiện vật										
132.	Đĩa (men lục nhạt)	01	Gốm	ĐKM: 15,3 ĐKĐ: 5,2 Cao: 4,0	TK 14-15	Đĩa miệng tròn, vành miệng cắt khắc không đều nhau, thành vát xiên về đáy, đáy bằng, chân đế thấp, lòng đĩa có dấu ve lòng. Thành đĩa trang trí vành cánh sen, bên trong lòng bông sen nhỏ. Toàn thân phủ men xanh lục nhạt, riêng tròn để mộc.	Sưu tầm tại xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa, năm 2019.	Có 1 vết nứt từ miệng xuống gần đáy, gờ miệng sứ nhỏ.	 BTTT.ST20.S54	10,0125





133.	Bát (men xanh lục)	01	Gốm	ĐKM: 16,7 ĐKĐ: 5,5 Cao: 6,4	TK 14-15	Bát miệng tròn, vành miệng cắt khắc không đều nhau, thành vát xiên về đáy, đáy bằng, chân đế thấp, lòng bát có dấu ve lòng. Chính giữa lòng bát có bông hoa chanh 7 cánh, thành bát có trang trí hoa văn (hoa văn mờ). Toàn thân phủ men xanh lục nhạt, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Miệng có 1 vết nứt nhỏ từ miệng xuống giữa thân.	 BTTH.ST20.S55	13,745
134.	Bát (men xanh lục trang trí vành cánh sen)	01	Gốm	ĐKM: 16,0 ĐKĐ: 5,3 Cao: 6,7	TK 14-15	Bát miệng tròn, vành miệng cắt khắc thành bông hoa 7 cánh, thành vát xiên về đáy, đáy bằng, chân đế thấp, lòng bát có dấu ve lòng. Chính giữa lòng bát có bông hoa chanh 6 cánh, thành bát trang trí vành 8 cánh sen, bên trong lòng bông sen đứng. Toàn thân phủ men xanh lục sẫm, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.S56	29,725
135.	Bát (men lục trang trí hươu)	01	Gốm	ĐKM: 17,5 ĐKĐ: 5,8 Cao: 6,5	TK 14-15	Bát miệng tròn, vành miệng cắt khắc thành bông hoa 6 cánh, thành vát xiên về đáy, đáy bằng, chân đế thấp, lòng bát có dấu ve lòng. Chính giữa lòng bát có bông hoa chanh 7 cánh, thành bát trang trí bố 6 ô (3 ô hình hoa sen đứng xen kẽ 3 ô hình hươu ngậm cành hoa). Thành ngoài bát gần miệng có 2 đường chỉ chìm chạy quanh. Toàn thân phủ men xanh lục sẫm, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Bát bị vỡ mảnh đã gắn lại, miệng có vết tu sửa.	 BTTH.ST20.S57	37,2
2. Hiện vật của ông Lê Lệnh Hà (xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật										
136.	Bát (men trắng trang trí hình chim phượng)	01	Gốm	ĐKM: 17,7 ĐKĐ: 4,8 Cao: 5,7	TK 14-15	Bát miệng loe, gờ miệng bằng, thành xiên vát về đáy, đáy bằng, chân đế thấp. Lòng bát trang trí nổi một con chim phượng, thành bát sát miệng trang trí hoa văn hình triện công chạy quanh, phía dưới trang trí 2 con chim phượng đối xứng nhau xen kẽ hoa văn	Sưu tầm tại phường Quảng Hưng, tp. Thanh Hóa, năm 2020.	Cũ, lành.	 BTTH.ST20.S58	24,3375





						hình hoa lá dây. Toàn thân phủ men trắng ngà xanh, riêng tròn và vành miệng để mộc.				
VI. CỔ VẬT THỜI LÊ: 07 hiện vật										415,08
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Các hiện vật loại hình này kho bảo tàng và hệ thống trưng bày chưa có như: Bát men lục trang trí người cưỡi cá, người chèo thuyền..., nghệ đốt trầm, đĩa men tam thái, bát tráng trí vẽ rồng..., bảo tàng cần sưu tầm bổ sung kho, phục vụ trưng bày.										
1. Hiện vật của ông Lê Lệnh Hà (xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 03 hiện vật										
137.	Bát (men lục trang trí người)	01	Gốm	ĐKM: 15,6 ĐKĐ: 5,5 Cao: 5,7	TK 15 - 16	Bát miệng tròn, vành miệng cắt khắc thành bông hoa 6 cánh, thành vát xiên về đáy, đáy bằng, chân đế thấp, lòng bát có dấu ve lòng. Chính giữa lòng bát có hình 1 con rùa, thành bát trang trí bộ 6 ô (3 ô hình hoa sen đứng xen kẽ 3 ô hình người chèo thuyền, người cưỡi cá chép và hình người đang đứng múa).Toàn thân phủ men xanh lục nhạt, riêng tròn để mộc.	Sưu tầm tại xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, lạnh.		47,22
									BTTH.ST20.S59	
138.	Bình vôi	02	Gốm	ĐKM: 2,3-2,5 ĐKĐ:6,5-6,7 Cao:11,2-11,4	TK 15-16	Bình vôi dáng hình cầu, miệng tròn nhỏ nằm ở một bên thân, đỉnh có núm tròn dẹt, chân đế cao hình con tiện (1,8cm). Toàn thân phủ men (01hv men trắng ngà vàng, 01 hv men xanh ngọc nhạt), riêng đế để mộc.	Sưu tầm tại xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, năm 2018.	Tương đối lạnh.		17,435
									BTTH.ST20.S60	
2. Hiện vật của ông Lê Gia Mai (số 16, Lương Thế Vinh, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa): 02 hiện vật										
139.	Nghệ đốt trầm	02	Đồng	ĐKC: 10,9-11,1 Cao: 27-27,5	TK 17-18	Lư gồm 3 phần: nắp, thân và đế. Phần nắp hình tượng nghệ, nghệ trong tư thế ngồi, đầu ngẩng cao, mắt nhìn thẳng, tai cụp, miệng hơi mở, 2 chân trước đứng thẳng, 2 chân sau co, đuôi vênh dựng sát vào lưng. Toàn thân trang trí vân xoắn có nhũ đỉnh. Phần thân lư được đúc liền với đế, thân hình bông sen nở, cánh sen lồng cánh sen, lòng lư rỗng, miệng hình ovan, lòng lõm. Phần đế hình bán cầu, trang trí trở thủng vành cánh sen lồng và vành mặt bọm.	Phát hiện được tại hang Ma Xá, xã Hạ Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.	Oxi hóa.		213,0
									BTTH.ST20.KL47	




3. Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật										
140.	Bát (men trắng vẽ lam hình rồng)	01	Gốm	ĐKM: 14,1 ĐKC: 6,2 Cao: 6,8	TK 16	Bát miệng loe, gờ miệng tròn, thành xiên vát dần xuống đáy, đáy bằng, chân đế thấp, bát có dấu ve lòng. Bên trong, chính giữa đáy bát viết 1 chữ Hán “謹” (đọc: Cẩn; dịch: Kính), sát đáy và gờ miệng vẽ 4 đường chỉ lam. Bên ngoài trang trí 1 hình rồng vờn châu, xen kẽ có các đám mây nhỏ, sát miệng, đáy và chân đế có các đường chỉ lam giới hạn chạy quanh. Toàn thân bát phủ men trắng ngà trang trí vẽ lam, riêng tròn đế mộc.	Sưu tầm tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Gờ miệng bị bong men ít, có vết nứt mờ từ miệng xuống giữa thân.	 BTTH.ST20.S61	45,55
141.	Đĩa (tam thái)	01	Gốm	ĐKM: 34 ĐKD: 23,5 Cao: 7,7	TK 15 -16	Đĩa to (đĩa lợi châu), vành miệng tròn, đế mộc không tráng men, men nhiều màu. Sát vành miệng trang trí hoa văn chữ X kép xen kẽ cá chắm men xanh được giới hạn bởi 1 đường chỉ lam chạy quanh, thành đĩa trang trí hoa văn hình học xen kẽ hoa văn hình vây cá, phía dưới trang trí hoa văn hình vây cá xen kẽ các chắm men xanh được giới hạn bởi 2 đường chỉ chạy song song; lòng đĩa trang trí hoa văn lân vờn mây. Bên ngoài vẽ lam và đỏ văn vành cánh sen kép. Tròn bồi nâu.	Sưu tầm tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Lành, men bị bay màu xanh lam.	 BTTH.ST20.S62	91,875
VII. CỔ VẬT THỜI NGUYỄN: 24 hiện vật									323,205	
<i>Thực trạng hiện vật tại Bảo tàng:</i> Đây là những loại hình hiện vật phản ánh đời sống văn hóa tâm linh, vật chất, thi cử của thời kỳ này mà bảo tàng chưa có, cần sưu tầm bổ sung phục vụ công tác trưng bày và xây dựng bộ sưu tập.										
1. Hiện vật của ông Lê Sỹ Ngà (thôn 1, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 09 hiện vật										



142.	Chân nền (hình rùa đội chim hạc)	02	Đồng	Cao: 84,5 – 87,7	TK 19-20	Chân nền làm bằng đồng, hình chim hạc ngậm sen đứng trên mai rùa. Đầu hạc thẳng, mỏ cong, lông vũ trên cổ thể hiện khéo léo, thân hạc mảnh mai, đuôi xòe nhẹ, chân đứng thẳng trên mai rùa. Cặp mỏ dài ngậm chặt cành hoa sen, bông sen nở vươn lên cao. Rùa có 4 chân to chắc chắn, trên mai vẽ họa tiết lục lăng, đầu rùa ngẩng cao hướng nhìn về đẹp của hoa sen.	Sưu tầm tại xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.	Oxi hóa, có vết nổi ở đài hoa, cổ và chân hạc.		BTTH.ST20.KL48	54,1
143.	Quả hộp	01	Gỗ	ĐKM: 31,2 ĐKĐ: 31,2 Cao: 12,6	TK 20	Quả hộp hình tròn, có nắp đậy, cả trong và ngoài đen khảm ốc. Hộp có 2 khay đựng, lòng khay chia 7 ô nhỏ. Nắp hộp chõm trùm ra ngoài thân hộp. Mặt nắp trang trí đôi chim phượng ngậm cuốn thư châu về chữ “Hy” được giới hạn trong 1 đường chỉ mảnh, bên ngoài khảm 4 vật quý trong bộ bát bảo (quạt, lăng hoa, ống tiêu, xên tiền) xen kẽ 4 đôi bướm đang bay, viền nắp đậy khảm hoa cúc dây chạy xung quanh; Thân nắp trang trí long-ly-quy-phượng xen kẽ với bình hoa dây cách điệu. Mặt ngoài thân quả hộp khảm 4 con chim đang đậu trên cành hoa (đào, lựu, phật thủ). Đây là đồ dùng sử dụng trong lễ cưới người Việt xưa.	Sưu tầm tại gia đình ông Loan, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, tương đối lành, vành nắp tróc sơn nhẹ.		BTTH.ST20.ĐM18	19,35
144.	Chum sành	01	Sành	ĐKM: 38,5 ĐKĐ: 23,2 Cao: 35,0	TK 19-20	Chum loại trung bình, miệng tròn khum, vai ngắn, thân phình vát xiên về đáy, đáy bằng, giữa đáy có lỗ thủng nhỏ (2cm). Ngang vai trang trí vòng tròn đơn giới hạn bởi 1 đường chỉ chim chạy quanh, phía dưới là 4 mặt hổ phù nằm ở 4 phía, xen kẽ giữa các mặt hổ phù là hình lá đề và bông hoa 3 cánh nhỏ.	Sưu tầm tại gia đình ông Loan, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. GD ông Loan đã sử dụng chiếc chum này gần 70 năm.	Cũ, lành.		BTTH.ST20.S63	14,6875

145.	Đĩa (men trắng vẽ lam hình cá)	02	Gốm	ĐKM: 20,8-21,2 ĐKĐ: 12,5-12,7 Cao: 3,2 – 3,7	TK 19-20	Đĩa miệng tròn, gờ miệng nhọn, lòng chằng, chân đế thấp. Lòng đĩa trang trí vẽ lam hình cá, thân màu nâu, bên ngoài có các tua tỏa ra xung quanh. Cả trong và ngoài phủ men trắng ngà, trơn tô nâu. Riêng 01 đĩa tròn có 4 chữ Hán “花榮乐記” (Hoa Vinh Lạc ký - Cửa hiệu Hoa Vinh Lạc).	Sưu tầm tại xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Có vết nứt nhỏ từ miệng xuống thân, gờ miệng có các vết sứt nhỏ.	 BTTH.ST20.S64	9,2125
146.	Lộc bình	02	Gốm	ĐKM: 14,5 ĐKĐ: 11,5 Cao: 36,7	TK 19-20	Lộc bình kích thước trung bình, miệng loe, vành miệng loe bê ra ngoài, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình xuôi dần xuống đáy, đáy bằng. Toàn thân phủ men trắng, trang trí vẽ lam đề tài “tùng hạc”.	Sưu tầm tại xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	01 chiếc vành miệng bị sứt ½ đã được sửa lại.	 BTTH.ST20.S65	12,595
147.	Chậu hoa lam (lớn)	01	Gốm	ĐKM: 36 ĐKĐ: 19,5 Cao: 28,3	TK 19-20	Chậu loại lớn, miệng tròn, vành miệng loe bê ngang, thân vát xiên dần về đáy, đáy bằng, giữa đáy có 1 lỗ thủng nhỏ, chân đế thấp. Toàn thân phủ men trắng, trang trí vẽ lam bố 6 ô: 03 ô đề tài “chim hoa, tùng hạc” xen kẽ 03 ô đề tài “son thủy”, xen kẽ giữa các ô là 3 bông cúc nhiều cánh xếp dọc. Lòng chậu và đế đế mộc.	Sưu tầm tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Tương đối lành.	 BTTH.ST20.S66	14,0
2. Hiện vật của ông Lê Lệnh Hà (xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa): 02 hiện vật										
148.	Nghiên mực	01	Đá	Dài: 14,7 Rộng: 9,5 Dày: 2,5	TK 19-20	Nghiên mực hình chữ nhật, được chế tác từ đá xám, một mặt tạo hình 2 trái đào với lá và hoa xung quanh, hình quả đào được đục lõm vừa để trang trí vừa có công năng sử dụng. Các mặt còn lại để trơn. Một cạnh đục lõm 1 góc (4x2,5cm) là nơi dùng đặt bút.	Sưu tầm tại xã Định Hòa, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	Rìa cạnh sứt nhỏ.	 BTTH.ST20.Đ4	5,5875

149.	Thùng gánh	01	Gỗ	Dài: 40 Rộng: 33 Cao: 80	TK 19-20	Thùng hình hộp chữ nhật, nóc thùng có quai gánh, mặt trước mở cửa, đế bằng thụt, chân đế thấp. Lòng chia 2 ngăn, có vách ngang ở giữa thân thùng. Cửa thùng gánh trang trí khảm trai, ôc hình 8 người đang chơi cờ bên gốc cây, phía sau là lầu gác, trên đỉnh có cắm 1 ngọn cờ. Đây là đồ dùng của sĩ tử thời phong kiến dùng đựng đồ khi đi thi khoa cử.	Sưu tầm tại xã Cát Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Nút nhỏ 1 số chỗ quanh thân thùng.		8,1
3. Hiện vật của ông Vũ Quang Tịnh (số 11, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa): 03 hiện vật										
150.	Chân đèn	02	Gốm	ĐKM: 5,9-6,0 ĐKĐ: 7,0-7,1 Cao: 14,5-15	TK 18-19	Chân đèn kích thước tương đối nhỏ, dáng hình con tiện tròn, phần đĩa loe tròn hơi lõm để đặt bát đèn, giữa thân có gắn tán tròn, phần chân cao loe, lòng rỗng. Toàn thân phủ men trắng rạn.	Sưu tầm tại xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, năm 2003.	Chân đèn vành đỡ sứ nhỏ.		8,0125
151.	Hộp khảm trai	01	Gỗ	KT miệng: 21,3x12,4 KT đáy: 21,8x12,1 Cao: 9,4	TK 19-20	Hộp hình chữ nhật có nắp đậy. Miệng giắt cấp, thành đứng, đáy bằng, chân thấp. Nắp vòm được chia thành 4, đỉnh có tay cầm hình trụ chữ nhật, nắp trang trí khảm trai hình người đứng trên cầu ngắm phong cảnh.	Sưu tầm tại xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, năm 2003.	Gờ miệng sứ nhỏ.		9,15
4. Hiện vật của ông Phạm Tấn (đường Lý Nhân Tông, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa): 04 hiện vật										
152.	Lộc bình	01	Gốm	ĐKM: 20,2 ĐKĐ: 16 Cao: 52,4	Đầu TK 20	Lộc bình kích thước lớn, miệng loe, vành miệng loe bê ra ngoài, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình xuôi dần xuống đáy, đáy bằng. Toàn thân phủ men trắng, một mặt trang trí vẽ lam đề tài "chim trĩ và họa mẫu đơn", mặt còn lại đề thơ bằng chữ Hán.	Sưu tầm tại xã Tứ Trụ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, lạnh.		19,6

153.	Lộc bình	01	Gốm	ĐKM: 19,3 ĐKĐ: 15,2 Cao: 51	Đầu TK 20	Lộc bình kích thước lớn, miệng loe, vành miệng loe bê ra ngoài, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình xuôi dần xuống đáy, đáy bằng. Toàn thân phủ men trắng, trang trí vẽ lam đề tài “tùng hạc”.	Sưu tầm tại xã Tứ Trụ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Cũ, lành.		21,25
154.	Lộc bình	01	Gốm	ĐKM: 19,2 ĐKĐ: 15 Cao: 54,2	Đầu TK 20	Lộc bình kích thước lớn, miệng loe tạo sóng uốn lượn, vành miệng bê ra ngoài, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình tạo hình bát giác, thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Toàn thân phủ men trắng, mỗi góc trang trí vẽ lam một đề tài: cây hoa cúc trên vách núi, con bướm bên bụi lan, tùng hươu, sơn thủy, 2 ô đề chữ Hán (1 ô kiểu chữ Triện, 1 ô kiểu chữ Thảo), xen kẽ 2 ô hoa lá dây.	Sưu tầm tại xã Tứ Trụ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Miệng vỡ đã gắn lại.		15,5
155.	Bình (cổ cao)	01	Gốm	ĐKM: 7,0 ĐKĐ: 14,8 Cao: 52,5 Chu vi bầu: 86	Giữa TK 20	Bình miệng tròn, gờ miệng bằng, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Cổ bình trang trí tán vân đắp nổi xen kẽ vẽ lam, vai là vòng hoa văn triện công, thân bình đắp nổi 1 con rồng uốn lượn quanh thân xen kẽ tán vân đắp nổi và vẽ lam. Toàn thân phủ men rạn màu vàng nhạt.	Sưu tầm tại xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.	Gờ miệng bị bong men nhẹ 1 số chỗ, một số mây đắp nổi bị sứt nhỏ.		19,7
5. Hiện vật của ông Hoàng Đình Thanh (thôn 9, xã Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa): 01 hiện vật										
156.	Nậm rượu	01	Gốm	ĐKM: 4,0 ĐKĐ: 9,8 Cao: 27,0	TK 19	Nậm miệng tròn, gờ miệng bằng, cổ cao đứng, vai xuôi, thân phình thuôn dần xuống đáy, đáy bằng. Bên ngoài phủ men màu trắng đục, trang trí vẽ lam: Sát miệng và đáy có các đường chỉ lam chạy quanh, trên cổ vẽ 2 cảnh lá đứng, vai trang trí hồi văn chữ T giới hạn bởi 2 đường chỉ lam, thân nậm là hình cảnh hoa cúc nhiều cánh.	Sưu tầm tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Miệng sứt nhỏ, thân bị bong men một số chỗ.		4,295

6. Hiện vật của ông Lê Trọng Vĩnh (thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa): 04 hiện vật											
157.	Chum	01	Sành	ĐKM: 21 ĐKĐ: 23,5 Cao: 59	TK 18-19	Miệng loe, vành miệng bẻ ra ngoài, cổ cao xiên, vai thuôn, thân phình thót dần về đáy, đáy bằng. Bên ngoài trang trí chìm vân sóng nước. Vai trang trí 3 vành hoa văn sóng nước, ngăn cách giữa các vành hoa văn là đường gờ nổi, trên vai gắn 4 quai trang trí bông hoa 4 cánh nhọn. Toàn thân màu nâu bóng.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Lâm Tới, xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.	Tương lành.	đôi	 BTTH.ST20.S73	19,0625
158.	Chum	01	Sành	ĐKM: 24,2 ĐKĐ: 20,5 Cao: 49,0	TK 18-19	Miệng hơi loe, vành miệng bẻ ra ngoài, cổ cao đứng, vai thuôn, thân phình thót dần về đáy, đáy bằng. Bên ngoài trang trí chìm vân sóng nước. Vai trang trí chìm 3 vành hoa văn sóng nước, xen kẽ đắp nổi trên các vành 2 là 4 hình bướm, trên vành 3 là 4 hươu; ngăn cách giữa các vành hoa văn là các đường gờ nổi chạy quanh. Trên vai gắn 4 quai hình mũi thuyền (chân hình hình hoa 6 cánh). Sát đáy có 1 vành sóng nước được ngăn cách bởi các đường gờ nổi chạy quanh. Toàn thân màu nâu bóng.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Văn Hưng, xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.	Tương lành.	đôi	 BTTH.ST20.S74	23,775
159.	Chum	01	Sành	ĐKM: 22 ĐKĐ: 21 Cao: 46	TK 18-19	Miệng hơi loe, vành miệng bẻ ra ngoài, cổ cao đứng, vai thuôn, thân phình thót dần về đáy, đáy bằng. Bên ngoài trang trí chìm vân sóng nước. Vai trang trí chìm 3 vành hoa văn sóng nước, đắp nổi trên các vành sóng nước là hình bướm, hình rì quạt; ngăn cách giữa các vành hoa văn là các đường gờ nổi chạy quanh. Trên vai gắn 4 quai hình mũi thuyền (chân hình mặt hồ phù, đỉnh hình hoa 4 cánh). Sát đáy có 2 vành sóng nước được ngăn cách bởi các đường chỉ mảnh chạy quanh. Toàn thân màu nâu bóng.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Văn Hưng, xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.	Tương lành.	đôi	 BTTH.ST20.S75	18,32

160.	Chum	01	Sành	ĐKM: 21,8 ĐKĐ: 20 Cao: 45,5	TK 18-19	Miệng hơi loe, vành miệng bê ra ngoài, cổ cao đứng, vai thuôn, thân phình thót dần về đáy, đáy bằng. Bên ngoài trang trí chìm văn sóng nước. Vai trang trí chìm 3 vành hoa văn sóng nước, đắp nổi trên vành 2 là 4 bông hoa 4 cánh nhọn; ngăn cách giữa các vành hoa văn là các đường gờ nổi chạy quanh. Trên vai gắn 4 quai nhọn (chân và đỉnh quai là các nhũ đỉnh tạo hình bông hoa 5 cánh). Sắt đáy có 2 vành sóng nước được ngăn cách bởi các đường chỉ mảnh chạy quanh. Toàn thân màu nâu bóng.	Sưu tầm tại gia đình ông Nguyễn Văn Hưng, xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.	Tương lành.	đôi		BTTH.ST20.S76	13,745
7. Hiện vật của ông Cao Văn Quang (xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa): 01 hiện vật												
161.	Nậm (đắp nổi)	01	Gốm	ĐKM: 4,8 ĐKĐ: 10,5 Cao: 22,5	TK 18 - 19	Nậm miệng tròn, gờ miệng bằng, vành miệng hơi loe, cổ cao đứng, thân phình, vai thuôn dần xuống đáy. Thân trang trí đề tài "Sen, chim" đắp nổi men lam và men vàng. Toàn thân phủ men trắng ngà rạn, tròn có men	Hiện vật là đồ dùng trong gia đình được truyền lại từ đời ông của ông Cao Văn Quang, xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Có vết nứt ở cổ.			BTTH.ST20.S77	13,1625
TỔNG:		207 hiện vật (Hai trăm linh bảy hiện vật)									2.994,749	